

**BÁO CÁO**

**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023, xã Đông Thịnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá**

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định 18/2022/QĐ-TTg, ngày 02/8/2022 về Ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: số 32/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025.

Căn cứ văn bản đề nghị của UBND xã Đông Thịnh tại Tờ trình số 76/TTr-UBND ngày 26/4/2023 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Đông Thịnh, UBND huyện Đông Sơn báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2023 đối với xã Đông Thịnh cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra: Từ ngày 08/5/2023 đến ngày 08/6/2023.

**1. Về hồ sơ**

Nội dung, thành phần hồ sơ đã được xã Đông Thịnh thực hiện đảm bảo đầy đủ đúng theo quy định tại Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025 và Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg, ngày 02/8/2022 về Ban hành

quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

## **2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao**

Đảng ủy ban hành Nghị quyết số 17- NQ/ĐU ngày 24/12/2022 về phương hướng, nhiệm vụ năm 2023; UBND xã ban hành: Kế hoạch hành động số 22/KH-UBND ngày 14/01/2023 về việc thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy, HĐND xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2023, Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 13/02/2023 về xây dựng xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu năm 2023.

Đảng ủy đã ban hành Quyết định số 31-QĐ/ĐU ngày 31/01/2023 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu (BCĐ) giai đoạn năm 2022- 2025, Thông báo số 34-TB/BCĐ ngày 31/01/2023 của BCĐ về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên BCĐ. Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Phát triển thôn, tổ phụ trách đã bám sát thôn, cơ quan, đơn vị để hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ những khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện chương trình; theo đó gắn trách nhiệm của từng đồng chí với việc đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ cuối năm. Ban Chỉ đạo tổ chức hội nghị giao ban định kỳ 2 tuần/lần hoặc giao ban đột xuất khi cần để kịp thời nắm bắt, theo dõi và giải quyết, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc.

Công tác tuyên truyền luôn được quan tâm và tổ chức tuyên truyền với nhiều nội dung và hình thức đa dạng, phong phú như: qua hệ thống truyền thanh; các cụm tin, băng zôn, vi nhép, khẩu hiệu; thông qua các cuộc họp. Tổng số có trên 65 hội nghị được tổ chức tại xã, trên 105 buổi tuyên truyền, sinh hoạt tại cơ sở thôn; 128 tin bài, 606 Vi nhép, 208 băng zôn , 58 khẩu hiệu tường, 36 hộp pano. Các ngành, các tổ chức chính trị, xã hội, các thôn tuyên truyền một cách sâu rộng bằng nhiều hình thức nhằm chuyển tải mục đích ý nghĩa của chương trình từ đó nâng cao nhận thức trách nhiệm của cán bộ đảng viên và các tầng lớp nhân dân, với phương châm: xây dựng NTM: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ. MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội trong xã đã tập trung tuyên truyền, biểu dương những cách làm hay, những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong phong trào xây dựng NTM nâng cao để đoàn viên, hội viên và nhân dân trong xã hăng hái tham gia. Từ những cách làm hay, những mô hình điển hình được tuyên truyền kịp thời, sẽ có tác động lan tỏa rộng khắp địa bàn toàn xã. Cụ thể: MTTQ xã, Ban công tác mặt trận các thôn làm tốt công tác tuyên truyền vận động thực hiện phong trào thi đua, đồng thời tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; Hội nông dân, Hội phụ nữ tổ chức nhiều buổi tập huấn, mở nhiều lớp dạy nghề, tổ chức các hội thi Nông dân, Phụ nữ, chung tay XD NTM; Hội CCB, đoàn thanh niên phát huy truyền thống “Anh bộ đội Cụ Hồ”, “Thanh niên làm theo lời Bác”; vận động hội viên, đoàn viên gương mẫu đi đầu trong các phong trào, làm kinh tế giỏi, xung kích trong phong trào bảo vệ môi trường; Hội người cao tuổi với

phong trào “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo”, mẫu mực làm gương đồng viên con cháu tích cực lao động sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng, phát huy nội lực chung sức xây dựng NTM, thực hiện tốt việc tổ chức tang lễ theo quy ước nếp sống mới và các giá trị văn hóa truyền thống, tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, tham gia quy hoạch quản lý nghĩa trang, nghĩa địa và xây dựng làng xã văn hóa.

Qua các hình thức tuyên truyền nêu trên, nhận thức của đại bộ phận nhân dân trong xã có nhiều chuyển biến, tích cực tham gia họp bàn và đóng góp xây dựng với nhiều cách làm hay, tạo được phong trào thi đua ở từng thôn, xóm đối với phong trào xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

Kết hợp cơ chế chính sách của huyện về: hỗ trợ đầu tư xây dựng các đường giao thông nội thôn, giao thông nội đồng, hỗ trợ xây dựng rãnh thoát nước, tường rào thoáng, Vườn mẫu, hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất trường học, Hội đồng Nhân dân xã đã có Nghị quyết hỗ trợ: Nâng cấp mở rộng, chỉnh trang tất cả các tuyến đường ngõ xóm ở các thôn, theo quy định của tiêu chí (trong đó: xây dựng tường rào thoáng, làm mặt đường, rãnh thoát nước mức hỗ trợ 70% giá trị xây lắp và hỗ trợ làm kè từ ao lên mặt đường mức hỗ trợ 100%). Xã đầu tư 100% các tuyến đường liên thôn theo nghị Quyết của Hội đồng nhân dân.

Trong suốt quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM nâng cao, xã Đông Thịnh luôn nhận được sự quan tâm lãnh của tỉnh của huyện ủy, UBND huyện và sự hướng dẫn của các cấp, các ngành; đồng thời được thụ hưởng đầy đủ các cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước về: Chính sách an sinh xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất và ngành nghề nông nghiệp, nông thôn. Bên cạnh đó là sự đồng thuận, trách nhiệm với nhiệm vụ và thống nhất cao của Đảng bộ, chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội và toàn thể nhân dân trong xã, là những thuận lợi để cấp ủy, chính quyền và nhân dân xã Đông Thịnh xây dựng thành công các tiêu chí NTM nâng cao. Kết quả cụ thể về Phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân:

#### a, Phát triển sản xuất nông nghiệp:

Nhận thức đúng đắn quan điểm của Đảng, lấy phát triển kinh tế làm nhiệm vụ trọng tâm, vì vậy nông nghiệp luôn được xác định là mặt trận hàng đầu, làm tốt công tác ứng dụng các tiến bộ KHKT, thâm canh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, tạo sự chuyển biến tích cực trong sản xuất; tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức cho nhân dân cải tạo đồng ruộng, đầu tư làm giao thông, thủy lợi nội đồng hàng vài chục tỷ đồng; tổ chức nhiều lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, từng bước làm thay đổi tư duy, tập quán canh tác của người nông dân. Làm tốt các mô hình, đưa các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao phát triển đem lại hiệu quả kinh tế cao như: Trang trại T- Farm tổng hợp với diện tích trên 4 ha cũng mang lại thu nhập đáng kể cho nhân dân toàn xã... Đặc biệt là có sự liên kết trong nông nghiệp, giữa 4 nhà (nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà nông), từ việc tích tụ đất

đại, xây dựng cánh đồng lớn, áp dụng cơ giới hóa đồng bộ, từng bước đổi mới tổ chức lại sản xuất nông nghiệp đã sớm khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, phân tán ruộng đất; đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất, nhằm giảm chi phí đầu tư tăng hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập và giải quyết việc làm cho người nông dân. Toàn xã có 01 sản phẩm Dưa vàng Trang Trại T-Farm đã được UBND huyện công nhận đạt sản phẩm OCOP 3 sao năm 2023.

Trong phát triển chăn nuôi, trọng tâm tuyên truyền người dân làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, đưa các loại giống vật nuôi mới cho hiệu quả kinh tế cao gà siêu trứng, vịt siêu trứng,... vào sản xuất.

#### b, Hoạt động của hợp tác xã:

Hoạt động của HTXNN đã làm tốt vai trò dịch vụ các khâu: cung ứng vật tư, chuyển giao khoa học kỹ thuật, dịch vụ làm đất, tưới, tiêu nước... tổ chức thực hiện liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm với công ty Cổ phần thương mại Sao Khuê, cung ứng phân bón và thu mua toàn bộ sản phẩm Bắc thơm với quy mô 33ha/năm mang lại kinh tế cao và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có chất lượng cao sản xuất ra trên địa bàn xã.

Ngoài ra hợp tác xã còn kết hợp, hợp đồng với một số cá nhân khác đầu tư máy nông cụ như máy gặt, máy cày công suất lớn, máy cấy... để thực hiện cơ giới hoá đồng bộ trong nông nghiệp, dịch vụ đầu vào cho xã viên. Tu sửa nâng cấp kênh mương, nâng cấp trạm bơm đảm bảo cho phục vụ sản xuất.

#### c, Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn:

Trong những năm qua cấp ủy Đảng và chính quyền xã đã tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân phát triển sản xuất, đa dạng hóa các loại ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển đa dạng như cơ khí, mộc dân dụng, xây dựng, ... Dịch vụ được phát triển ngày càng đa dạng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân như: Dịch vụ nông nghiệp, dịch vụ cơ khí, sửa chữa các phương tiện lao động sản xuất và đời sống; tiếp nhận dịch vụ hỗ trợ vay vốn của các ngân hàng, của quỹ tín dụng, dịch vụ vận tải, kinh doanh tổng hợp....Chợ Đông Thịnh đã được đầu tư nâng cấp, mở rộng đáp ứng nhu cầu giao lưu mua bán hàng hóa cho nhân dân trong và ngoài xã. Phong trào của các đoàn thể như: Cựu chiến binh, Nông dân, Phụ nữ về sản xuất kinh doanh giỏi được phát động hàng năm, đem lại kết quả cao, nhiều hộ đạt gia đình sản xuất, kinh doanh giỏi.

#### d, Nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân:

Các chương trình, chính sách giảm nghèo đã huy động sức mạnh, sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Cùng với sự phát triển kinh tế, đời sống nhân dân trong xã ngày càng được nâng lên. Mức thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt là 63 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã giảm rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo toàn xã còn 0 hộ nghèo = 0%, hiện nay chỉ có 01 hộ nghèo thuộc hộ bảo trợ xã hội.

e. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới nâng cao

Tổng nguồn vốn huy động: 641.432 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: chiếm 0%
- Ngân sách Tỉnh: 600 triệu đồng, chiếm 0,09%
- Ngân sách Huyện: 18.278 triệu đồng, chiếm 2,85%
- Ngân sách xã: 272.057 triệu đồng, chiếm 42,42%
- Nguồn nhân dân đóng góp: 350.497 triệu đồng chiếm 55,64%

*Trong đó:*

+ Nhân dân đóng góp bằng tiền, hiện vật, hiến đất, ngày công để xây dựng các công trình phúc lợi: 40.581 triệu đồng, chiếm 6,3%.

+ Nhân dân chính trang, xây dựng nhà ở, các công trình phụ trợ: 309.916 triệu đồng, chiếm 48,3%.

3. Xã Đông Thịnh đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017 tại Quyết định số 5155/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Công tác rà soát, duy trì và tổ chức thực hiện duy trì nâng cao các tiêu chí, luôn được xã Đông Thịnh duy trì 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, theo Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025.

4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao:

Tổng số tiêu chí xã tổ chức đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định là 19 tiêu chí/19 tiêu chí, đạt 100%, cụ thể:

4.1. Tiêu chí 01 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

*1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch. (Đạt)*

*1.2. Có quy định quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn; tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch. (Đạt)*

*1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên. (Đạt)*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 1.1, xã Đông Thịnh, đã thực hiện rà soát các nội dung Quy hoạch nông thôn (QHC) xã đảm bảo sự phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, được UBND tỉnh phê duyệt tại

Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 11/02/2019. Xã có quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới được UBND huyện Đông Sơn phê duyệt tại Quyết định số 710/QĐ - UBND ngày 02/05/2012;

Bản vẽ quy hoạch xây dựng nông thôn mới được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã, nhà 7/7 nhà văn hóa các thôn và trực đường liên xã. Xây dựng kế hoạch và tổ chức cắm mốc, hoàn thành việc cắm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng theo quy hoạch được phê duyệt bao gồm: Biễn báo, chỉ dẫn các khu vực quy hoạch, khu dân cư, mốc chỉ giới quy hoạch đất ở, quy hoạch khu dân cư, mốc chỉ giới xây dựng, mốc lộ giới, mốc quy hoạch đất sản xuất, đất nghĩa trang, nhà văn hóa, khu thể thao giải trí khác theo quy định.

- Chi tiêu 1.2, xã có quy chế quản lý quy hoạch được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 1644/QĐ - UBND ngày 21/07 /2017 về việc ban hành quy chế quản lý quy hoạch NTM xã Đông Thịnh. Tổ chức thực hiện quản lý theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Chi tiêu 1.3, Xã có quy hoạch chi tiết và đầu tư xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên, cụ thể:

Năm 2017, MBQH số 486 ngày 31/3/2017, đầu tư xây dựng khu dân cư theo Quyết định số 486 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của UBND huyện Đông Sơn, tổng số lô là 79 lô, diện tích 17.670 m<sup>2</sup>.

Năm 2018, MBQH số 832 ngày 30/3/2018, QHCT khu dân cư theo Quyết định số 832 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của UBND huyện Đông Sơn, Tổng số lô là 53 lô; Diện tích quy hoạch 5.176,2 m<sup>2</sup>.

Năm 2019, có 07 mặt bằng được phê duyệt: MBQH số 746 ngày 26/3/2019, QHCT khu dân cư theo Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2019 của UBND huyện Đông Sơn, Tổng số lô là 59 lô; MBQH số 747 ngày 26/3/2019, QHCT khu dân cư theo Quyết định số 747 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2019 của UBND huyện Đông Sơn, Tổng số lô là 31lô; MBQH số 767 ngày 27/3/2019, QHCT khu dân cư theo Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 27 tháng 03 năm 2019 của UBND huyện Đông Sơn, tổng số lô là 71 lô; MBQH số 3081 ngày 30/9/2019, QHCT khu dân cư theo Quyết định số 3081/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2019 của UBND huyện Đông Sơn, tổng số lô là 29 lô; MBQH số 3320 ngày 07/10/2019: QHCT khu dân cư theo Quyết định số 3320/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2019 của UBND huyện Đông Sơn, Tổng số lô là 559 lô với diện tích 66.360,45 m<sup>2</sup>; MBQH số 5361 ngày 31/12/2019: QHCT khu dân cư theo Quyết định số 5361/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND huyện Đông Sơn, Tổng số lô là 88 lô với diện tích 47.231 m<sup>2</sup>.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 01 về Quy hoạch: Đạt.

4.2. Tiêu chí số 02 về Giao thông:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định: 100% được bảo trì hàng năm, được bê tông hoá hoặc nhựa hoá, có chiều rộng mặt đường  $\geq 4,5m$ , chiều rộng nền đường  $\geq 6,5m$  (trong đó:  $\geq 60\%$  đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định).

2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản được cứng hóa và bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định: 100% được cứng hóa và bảo trì hàng năm (trong đó:  $\geq 80\%$  bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường  $\geq 3,0m$ , chiều rộng nền đường  $\geq 4,0m$  và  $\geq 50\%$  đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp:  $\geq 90\%$  (trong đó:  $\geq 80\%$  bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường  $\geq 3,0m$ , chiều rộng nền đường  $\geq 4,0m$ )

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa: 100% (trong đó:  $\geq 70\%$  bê tông hóa đạt chiều rộng mặt đường  $\geq 3,0m$ , chiều rộng nền đường  $\geq 4,0m$ )

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 2.1: Tổng chiều dài đường xã 2,54km được nhựa hoá đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT: 2,54/2,54km, đạt tỷ lệ 100%, chiều rộng mặt đường  $\geq 4,5m$ , chiều rộng nền đường  $\geq 6,5m$ , đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định.

- Chỉ tiêu 2.2 : Đường trục thôn và liên thôn: Gồm 23 tuyến, tổng chiều dài là 5,59 km, đã bê tông và nhựa hoá được 23/23 tuyến, chiều dài cứng hoá là 5,59/5,59km, đạt tỷ lệ 100% chiều rộng mặt đường  $\geq 3,0m$ , chiều rộng nền đường  $\geq 4,0m$  và  $\geq 50\%$  đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định.

- Chỉ tiêu 2.3: Đường ngõ xóm gồm 88 tuyến, tổng chiều dài là 7,943 km, đã bê tông hoá 7,943/7,943 km đạt 100%, đạt chiều rộng mặt đường  $\geq 3,0m$ , chiều rộng nền đường  $\geq 4,0m$ .

- Chỉ tiêu 2.4: Đường trục chính nội đồng gồm 15 tuyến, tổng chiều dài là 8,335km, đã cứng hóa 8,335/8,335 km, đạt 100%; bê tông hoá được 14/15 tuyến, dài 7,735km/8,335km đạt chiều rộng mặt đường  $\geq 3,0m$ , chiều rộng nền đường  $\geq 4,0m$ , đạt 92%, đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 02 về Giao thông: Đạt yêu cầu.

4.3. Tiêu chí số 03 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động:  $\geq 90\%$

3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững: (Đạt)

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước:  $\geq 20\%$

3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm (Đạt).

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi (Đạt).

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: (Khá).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động

+ Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được gieo trồng của xã năm 2022; 383,9 ha, trong đó: Vụ xuân, diện tích đất trồng lúa 180 ha, cây rau màu 5,7 ha; vụ Mùa, diện tích đất trồng lúa 177,5 ha, cây rau màu 5,7 ha; vụ Đông năm 2022 - 2023: 15 ha rau màu vụ đông.

+ Diện tích đất sản xuất nông nghiệp cần tưới năm 2022: 383,9 ha, trong đó: Vụ xuân, diện tích đất trồng lúa 180 ha, cây rau màu 5,7 ha; vụ Mùa, diện tích đất trồng lúa 177,5 ha, cây rau màu 5,7 ha; vụ Đông năm 2022 - 2023: 15 ha rau màu vụ đông.

+ Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới năm 2022: 383,9 ha, trong đó: vụ xuân, diện tích đất trồng lúa 180 ha, cây rau màu 5,7 ha; vụ Mùa 2022: Diện tích đất trồng lúa 177,5 ha, cây rau màu 5,7 ha; vụ Đông năm 2022 - 2023: 15 ha rau màu.

\* Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động là:

$$T_{\text{tưới}} = \frac{S_1}{S} \times 100(\%) = \frac{383,9}{383,9} * 100 = 100\%$$

Trong đó:

+  $T_{\text{tưới}}$ : Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động (100%).

+  $S_1$ : Diện tích gieo trồng cả năm thực tế được tưới chủ động 383,9 ha.

+  $S$ : Diện tích gieo trồng cả năm cần tưới theo kế hoạch 383,9 ha

\* Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tưới chủ động là:



$$T_{\text{tiêu}} = \frac{F_1}{F} \times 100(\%) = \frac{387,68}{387,68} * 100 = 100\%$$

Trong đó:

+  $T_{\text{tiêu}}$ : Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động (100%).

+  $F_1$ : Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp thực tế được tiêu chủ động 387,68 ha.

+  $F$ : Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp 387,68 ha. Trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp 194,8ha (*Đất trồng lúa 180ha, Đất trồng cây hàng năm 5,7ha; đất trồng cây lâu năm 9,11 ha*) diện tích đất phi nông nghiệp là 192,87 ha.

+ Diện tích nuôi trồng thủy sản: 12,8 ha, kết quả cụ thể:

$$T_k = \frac{K_1}{K} \times 100(\%) = \frac{12,8}{12,8} * 100 = 100\%$$

Trong đó:

+  $T_k$ : Tỷ lệ diện tích đất nuôi trồng thủy sản (%.)

+  $K_1$ : Diện tích đất nuôi trồng thủy sản thực tế được cấp chủ động 12,8 (ha).

+  $K$ : Diện tích đất NTTS cần cấp, thoát nước theo kế hoạch 12,8 (ha).

- Chỉ tiêu 3.2: Có ít nhất một tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững

Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp xã Đông Thịnh có hoạt động dịch vụ thủy lợi nội đồng, đảm bảo pháp lý, năng lực theo quy định của Luật Thủy lợi: HTX được thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã (có giấy đăng ký HTX); Hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác (có hợp đồng hợp tác và gửi thông báo tới UBND xã Đông Thịnh. Có điều lệ hoạt động dịch vụ thủy lợi được trên 50% số thành viên của HTX thông qua và UBND xã xác nhận. Toàn bộ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là thành viên HTX. Tổ chức bộ máy, người vận hành HTX đảm bảo năng lực theo quy định.

Kết quả đánh giá hoạt động của HTX đảm bảo hiệu quả, bền vững và đạt 80 điểm (*Thực hiện kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước 30/30 điểm; thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi 20/30 điểm; quản lý tài chính 10/20 điểm; thực hiện đa dịch vụ 10/10 điểm; mức độ hài lòng của thành viên 10/10 điểm*)

- Chỉ tiêu 3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước:

+ Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước được tính bằng diện tích đất trồng cây trồng chủ lực là cây lúa (của các vụ trong năm) thực tế áp dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên tổng diện tích đất trồng cây trồng chủ lực theo kế hoạch, được áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến: Nông - Lộ - Phơi/ướt khô xen kẽ: Tỷ lệ 357,5/357,5ha, đạt tỷ lệ 100%.

- Chỉ tiêu 3.4: Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm

19/19 công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng với chiều dài 7.330m đều được xây dựng kế hoạch và bảo trì. Năm 2022, UBND xã xây dựng kế hoạch bảo trì công trình thủy lợi mùa mưa, kế hoạch bảo trì công trình thủy lợi mùa khô trên địa bàn và triển khai, tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì đảm bảo đạt 100% so với kế hoạch. HTX DVNN là đơn vị chủ trì, phối hợp với các thôn kí hợp đồng với cá nhân, đơn vị có năng lực thực hiện việc bảo trì công trình thủy lợi theo kế hoạch hàng năm.

- Nguồn kinh phí để thực hiện bảo trì các công trình thủy lợi được lấy từ nguồn cấp bù thủy lợi phí và do nhân dân đóng góp.

- Chỉ tiêu 3.5: Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

Toàn xã có 7 thôn, dân cư phân bố tập trung thành một vùng. Nước thải sinh hoạt và sản xuất được xử lý và thải ra hệ thống theo mương gom về kênh tiêu trực chính của xã đảm bảo quy định. Hàng năm, UBND xã triển khai thực hiện chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát kiểm soát nguồn nước thải trong cụm dân cư, các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất để quản lý nguồn nước thải trên địa bàn có hiệu quả.

- Chỉ tiêu 3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về PCTT theo phương châm 4 tại chỗ

+ Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực, hàng năm, UBND xã Đông Thịnh đã thành lập và kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự xã theo quy định; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ huy. Trong đó, có phân công cho công chức cấp xã theo dõi lĩnh vực PCTT và làm bộ phận thường trực của Ban chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS cấp xã.

+ Nguồn nhân lực: 100% cán bộ cấp xã tham gia trực tiếp công tác phòng, chống thiên tai; Đồng thời được tham gia các lớp tập huấn nâng cao năng lực, trình độ trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đảm bảo phục vụ công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn xã. Hàng năm, xã thực hiện công tác rà soát, củng cố lực lượng xung kích phòng chống thiên tai; quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đội xung kích; xây dựng, ban hành quy chế hoạt động, đồng thời xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tập huấn cho lực lượng xung kích PCTT đáp ứng yêu cầu ứng phó có thiên tai xảy ra.

+ Nhân dân trong xã đều được UBND xã triển khai, phổ biến phương án, kế hoạch PCTT và tìm kiếm cứu nạn hàng năm, thông qua các hội nghị Chi bộ,

hội nghị nhân dân và trên hệ thống loa truyền thanh của xã đến thôn và cụm dân cư, để mọi người được biết và thực hiện.

+ Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh luôn được xã quan tâm; UBND xã đã xây dựng và phê duyệt kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025; hàng năm có tổ chức rà soát, cập nhật, bổ sung Kế hoạch PCTT đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tế tại địa phương; đồng thời cập nhật, bổ sung và ban hành phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão, hạn hán; Phương án huy động lực lượng, vật tư, phương tiện, hậu cần phục vụ công tác PCTT, TKCN ... đảm bảo theo quy định, đáp ứng yêu cầu về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

+ Tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai được phê duyệt, sẵn sàng huy động từ 80% trở lên số lượng, chủng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch được duyệt. Đảm bảo 100% tổ chức và số hộ gia đình, cá nhân trong xã chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, thực phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ.

+ Về cơ sở hạ tầng thiết yếu, xã thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các Quy hoạch: sử dụng đất; phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; điểm dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với loại hình thiên tai thường xuyên; 100% cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai.

+ Thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% người dân được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ trên hệ thống loa phát thanh của xã, thôn; trên trang facebook phòng chống thiên tai xã kết nối với trang facebook của trung ương, tỉnh, huyện kịp thời truyền tải thông tin về công tác phòng chống thiên tai đến các thành viên BCH và nhân dân trên địa bàn xã được nhanh chóng và hiệu quả.

+ Thực thi pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai, luôn được kiểm tra, ngăn chặn kịp thời, không có các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai phát sinh.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 03 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai: Đạt.

#### 4.4. Tiêu chí số 04 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí:

*Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định:  $\geq 99\%$*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hệ thống điện xã Đông Thịnh do Điện lực Đông Sơn quản lý vận hành lưới điện trung áp và lưới điện hạ áp, với đường dây hạ áp 0.4 KV và 06 trạm biến áp, tổng công suất 1.400 KVA phục vụ sản xuất, sinh hoạt và tưới tiêu. Khoảng cách đến mặt đất tự nhiên khu vực dân cư là 7,5m; đến mặt đường ô tô > 7,5m; các cột điện được bố trí dây tiếp đất đảm bảo quy định. Kết cấu hỗ trợ chịu lực: móng cột được đúc bằng đá 2x4 mác M150 đảm bảo quy định; các xà trên tuyến được làm từ thép hình mạ kẽm nhúng nóng theo quy định hiện hành;

Xã Đông Thịnh đã phối hợp với Điện lực Đông Sơn thay thế, tu sửa, bảo dưỡng, cung cấp điện ổn định cho các hộ dân đủ điện sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, tỷ lệ dùng điện của địa phương là 100% (1.555hộ/1.555hộ); Hành lang an toàn điện đảm bảo, hệ thống điện đảm bảo an toàn, không xảy ra tai nạn điện chết người, mất điện kéo dài trong mùa mưa bão.

Trạm biến áp phân phối: có hệ thống tiếp địa trạm đảm bảo theo quy định hiện hành, đảm bảo về nguồn cung cấp và chất lượng điện cho người dân; số công tơ đo đếm điện năng cho nhân dân còn trong thời gian kiểm định, đảm bảo quy định hiện hành; cột trạm được thiết kế là cột bê tông ly tâm, móng cột bê tông, các xà giá máy đỡ biến áp, thang trèo,... được mạ kẽm nhúng nóng theo quy định hiện hành.

- Đường dây hạ áp có khoảng cách thẳng đứng đến mặt đất tự nhiên khu vực đông dân cư >5,5m đảm bảo theo quy định hiện hành; khoảng cách đến mặt đường ô tô > 5m; có hệ thống tiếp đất.

- Hệ thống công tơ điện và dây dẫn vệ các hộ gia đình: Hòm đựng công tơ bằng chất liệu composite, đảm bảo tiêu chuẩn; công tơ điện dùng cho các hộ gia đình đảm bảo về quy cách, mẫu mã và chất lượng theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; dây nối dẫn các hộ dân là dây bọc, đảm bảo về chất lượng dẫn điện và an toàn điện; hành lang an toàn điện đảm bảo.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 04 về Điện: Đạt.

4.5. Tiêu chí số 05 về Giáo dục:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2: 100%.

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (Đạt).

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS (Mức độ 3).

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ (Mức độ 2)

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại: Khá.

5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền (Đạt).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 5.1: Xã Đông Thịnh có 2 trường học với 3 cấp học và 01 Trung tâm học tập cộng đồng. Cả 2 trường đều đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và đạt 100%, gồm: Trường Tiểu học và THCS Đông Thịnh đã đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; Trường MN Đông Thịnh đã đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 5579/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Chỉ tiêu 5.2: Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, kết quả cụ thể:

Năm 2021: Đã đạt chuẩn PCGDMN trẻ em 5 tuổi theo Quyết định số 8991/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2021.

Năm 2022: Đã đạt chuẩn PCGDMN trẻ em 5 tuổi theo Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2022: Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến lớp đạt 100% (65/65); tỷ lệ trẻ 6 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt 100% (63/63).

- Chỉ tiêu 5.3: Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS (Mức độ 3), kết quả:

Năm 2021: Đã đạt chuẩn PCGDTH và PCTHCS mức độ 3 theo Quyết định số 8991/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2021.

Năm 2022: Đã đạt chuẩn PCGDTH và PCTHCS mức độ 3 Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2022, cụ thể: Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3: tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% (63/63.); tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình GDTH đạt 99.27% (272/274). Phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3: tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS đạt 100% (232/232); tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 tuổi đang học chương trình GDPT hoặc GDTX cấp THPT hoặc GDNN đạt 98,7% (229/232).

- Chỉ tiêu 5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ Mức độ 2 theo Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn ( tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-25 được công nhận biết chữ đạt 100% (661/661); tỷ lệ /người trong độ tuổi từ 15-35 được công nhận biết chữ đạt 100% (1793/1793); tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-60 được công nhận biết chữ đạt 100% (3730/3730).

- Chỉ tiêu số 5.5: Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại tốt,

TTHTCD của xã nhiều năm liên tục đạt loại Tốt, được huyện đánh giá tốt Theo các Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 và Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn.

- Chi tiêu 5.6: Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

Xã xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch theo hướng xã hội hóa về mô hình giáo dục thể chất cho học sinh, phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm lứa tuổi của học sinh: Dạy bơi trong dịp hè hàng năm; nhảy dân vũ tập thể; võ thuật truyền thống; chỉ đạo các nhà trường thành lập và duy trì hoạt động các câu lạc bộ thể dục, thể thao rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

Năm học 2022-2023, Chủ tịch UBND xã ban hành Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 19/8/2022 về việc thực nhiệm vụ giáo dục thể chất và hoạt động thể thao năm 2022. Trên cơ sở Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và đặc thù của trường, các nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục thể chất, thành lập câu lạc bộ cầu lông, dân vũ thể thao, võ vovinam ... theo hướng xã hội hóa, thu hút được sự quan tâm, phối hợp tổ chức thực hiện của cấp ủy, chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội các cấp, các lực lượng trong và ngoài nhà trường...; Tổ chức cho học sinh tập luyện, hoạt động thường xuyên, có hiệu quả theo năm học, cụ thể: Kế hoạch số 46/KH-TH&THCS ngày 25/9/2022 của Trường TH&THCS Đông Thịnh về Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao năm học 2022-2023, mô hình CLB võ thuật vovinam theo Quyết định số 50/QĐ-TH&THCS ngày 06/10/2022 về việc công nhận thành lập CLB võ thuật vovinam; trường TH & THCS Đông Thịnh, kèm theo Quy chế, Điều lệ hoạt động, danh sách ban chủ nhiệm và các thành viên.

Kế hoạch số 11/KH-MN ngày 10/9/2022 của Trường Mầm non Đông Thịnh về giao dục phát triển thể chất năm học 2022-2023; mô hình CLB Aerobic theo Quyết định số 28/QĐ-MN, ngày 22/9/2022 về việc thành lập CLB Aerobic trường Mầm non Đông Thịnh, kèm theo quy chế, Điều lệ hoạt động, danh sách ban chủ nhiệm và các thành viên.

Các mô hình giáo dục thể chất của các trường đã giúp học sinh được trang bị kiến thức, kỹ năng an toàn trong hoạt động, trong sinh hoạt hàng ngày. Các hoạt động thể dục thể thao của nhà trường đã thu hút được sự tham gia ngày càng đông đảo của cán bộ giáo viên và học sinh trong nhà trường, các câu lạc bộ hoạt động sôi nổi tạo sân chơi lành mạnh bổ ích cho các em. Các câu lạc bộ đã duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục và hiệu quả, tạo sân chơi lành mạnh bổ ích cho các em. CBGV và học sinh tham gia giao lưu nhiều giải đấu trên địa bàn xã và huyện, giành được nhiều thành tích, được UBND xã và các nhà trường tặng nhiều giấy khen năm học 2022-2023.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 05 về Giáo dục: Đạt yêu cầu.

4. 6. Tiêu chí 06 về Văn hóa:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

- Có 70% các điểm công cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời.

- Có các mô hình hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thôn, bản và tổ chức đa dạng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao đảm bảo thu hút tối thiểu 40% người dân tham gia thường xuyên.

- Triển khai thực hiện các hoạt động thư viện

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định. (Đạt)

6.3. Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới:  $\geq 75\%$  đạt tiêu chuẩn văn hóa trong 3 năm liên tục ( $\geq 78\%$  trong năm xét, công nhận hoặc năm liền kề).  $\geq 50\%$  đạt chuẩn nông thôn mới.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 6.1: Trung tâm văn hoá – Thể thao xã được quy hoạch, xây dựng ngoài khu công sở, đầu tư xây dựng năm 2017 với tổng diện tích 15.000 m<sup>2</sup>, có nhà văn hoá đa năng với diện tích 500 m<sup>2</sup>, 250 chỗ ngồi; 70 m<sup>2</sup> sân khấu, có lối vào cánh gà hai bên và bố trí 05 phòng chức năng và được trang bị cơ sở vật chất đảm bảo tổ chức hoạt động. Khu thể thao được bố trí lắp đặt các dụng cụ TDTT ngoài trời phục vụ mọi người tham gia tập luyện; Nhà thi đấu đa năng được quy hoạch xây dựng đảm bảo quy chuẩn với 01 khán đài, 01 sân bóng chuyền da, 02 sân cầu lông, 02 sân bóng bàn; sân vận động xã được xây dựng năm 2017, diện tích 10.800 m<sup>2</sup>, có không gian phù hợp, đảm bảo các điều kiện tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao ngoài trời.

Nhà văn hoá – Khu thể thao 7/7 thôn đều có khu thể thao riêng, trong đó 04 nhà xây dựng mới; 03 nhà nâng cấp, cải tạo đảm bảo diện tích và số chỗ ngồi theo quy định. Khuôn viên nhà văn hoá có hệ thống tường rào thoáng bao quanh, đợcj trồng cây phủ xanh tường rào, Khu thể thao được trang bị các dụng cụ thể thao ngoài trời đáp ứng các hoạt động vui chơi, giải trí của cộng đồng dân cư. Xã có trên 70% các điểm công cộng được lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời đáp ứng các hoạt động vui chơi, giải trí, luyện tập thể dục, thể thao nâng cao sức khoẻ cho người dân.

Thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, thực hành tiết kiệm trong cưới tang, lễ hội, ngày giỗ, ngày lễ; xây dựng nếp sống văn minh nơi cộng đồng, gieo tiếp ứng xử văn háo trong sinh hoạt cộng đồng; bảo vệ cảnh quan, thiên nhiên, môi trường và giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội.

Hàng năm xã tổ chức 12-15 giải thể thao quần chúng, thu hút đông đảo người dân tham gia, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các nhà văn hoá, câu lạc bộ văn hoá thể thao, điểm hoạt động thể thao ở các thôn tham gia các hội

thi, hội diễn, tạo phong trào sôi nổi ở khu dân cư. Triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện 9 CLB trong đó có 6 CLB VHVH-TDĐT; 01 văn nghệ; 1 CLB; 02 CLB liên thế hệ được tổ chức và hoạt động thường xuyên thu hút 64% dân số trên địa bàn xã tham gia với người thường xuyên tham gia luyện tập TDĐT là 3264/5097 (chiếm 64% dân số).

Hoạt động thư viện, xã có phòng đọc trên 500 đầu sách báo; 04 máy tính kết nối Internet phục vụ người dân tra cứu, học tập

- Chỉ tiêu 6.2: xã Đông Thịnh không có di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh; không có di sản văn hoá phi vật thể. Tuy nhiên xã vẫn tuyên truyền, giới thiệu quảng bá về di sản văn hóa trên trang fanpage tại địa chỉ: “UBND xã ĐÔNG THỊNH” là kênh thông tin tuyên truyền chính thống được tạo lập trên nền tảng mạng xã hội facebook.

- Chỉ tiêu 6.3: 7/7 thôn trên địa bàn xã đạt danh hiệu thôn văn hoá 5 năm liên tục; toàn xã có tổng số hộ 1.555 hộ, trong đó 1.412 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hoá 3 năm liên tục (từ năm 2018-2022), tỷ lệ đạt 91,8%; có 214 hộ được tặng giấy khen đạt danh hiệu Gia đình văn hoá trong 3 năm liên tục (2020-2022) đạt tỷ lệ 15%. Người dân thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, không xảy ra các vụ bạo lực gia đình. 100% các thôn có quy ước theo quy định, được niêm yết công khai tại nhà văn hóa thôn và được người dân thực hiện nghiêm túc và đạt danh hiệu thôn nông thôn mới; có 6/7 thôn đạt thôn NTM kiểu mẫu.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 06 về Văn hóa: Đạt.

4.7. Tiêu chí 07 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

*Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm (Nếu xã không có chợ đang hoạt động thì có cửa hàng, siêu thị, cửa hàng tiện lợi đạt an toàn thực phẩm theo quy định). Đạt*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xã Đông Thịnh có 1 chợ (Chợ Đông Thịnh) được nâng cấp xây dựng theo quy hoạch chợ đạt chuẩn Nông thôn mới, đảm phù hợp với quy mô hoạt động và diện tích cho: 30 gian hàng, trong đó có 17 gian hàng kinh doanh cố định và các dịch vụ thiết yếu. Chợ có khuôn viên được hệ thống tường rào bao quanh, nền và sân chợ được đổ bê tông; có nhà điều hành khoảng 15 m<sup>2</sup> kèo thép, mái tôn; Khu vệ sinh khoảng 15 m<sup>2</sup> và đáp ứng yêu cầu đối với các bộ phận phụ trợ và kỹ thuật công trình. Các khu vực bán hàng được quy định các mặt hàng kinh doanh cụ thể, hợp lý tạo môi trường vệ sinh sạch sẽ.

Có hệ thống cấp nước sạch và rãnh thoát nước riêng, đảm bảo hoạt động của chợ và dễ dàng khơi thông, xử lý ách tắc; chợ có một bể nước 03 m<sup>3</sup> dùng cho công tác vệ sinh chung; khu vực để xe nền bằng bê tông, phù hợp với lưu lượng người vào chợ, được bố trí đảm bảo trật tự, an toàn cho khách; khu thu



gom và xử lý rác thải và phương án vận chuyển rác trong ngày về khu xử lý rác tập trung của xã; có phương án và hệ thống cấp điện đảm bảo cho hoạt động của chợ và phương án và thiết bị phòng cháy chữa cháy, chợ được trang bị 4 bình chữa cháy đảm bảo chất lượng. Có bố trí riêng biệt các khu: bán thịt tươi sống, thủy hải sản, khu rau củ quả, quần áo....

Ban quản lý chợ được thành lập theo quy định Pháp luật, có bảng hiệu tên chợ, địa chỉ, số điện thoại liên hệ với Ban quản lý chợ. Nội quy chợ đã được UBND huyện Đông Sơn phê duyệt và đã niêm yết công khai Nội quy chợ tại chợ để điều hành hoạt động và xử lý các vi phạm. Có cân đối chứng trong nhà điều hành. Các hàng hoá kinh doanh tại chợ không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật. Các hàng hoá kinh doanh có điều kiện đảm bảo đáp ứng được các điều kiện quy định hiện hành.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 07 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Đạt yêu cầu.

#### 4. 8. Tiêu chí số 8: Thông tin và truyền thông.

##### a. Yêu cầu tiêu chí:

8.1: *Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. (Đạt)*

8.2: *Có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tối thiểu 50% đối với xã đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; tối thiểu 80% đối với các xã còn lại. (Đạt)*

8.3: *Có dịch vụ báo chí truyền thông. (Đạt)*

8.4: *Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới. (Đạt)*

8.5: *Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng). (Đạt)*

##### b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 8.1, xã Đông Thịnh có điểm phục vụ Bưu chính là Bưu điện Văn hóa xã Đông Thịnh, mã số hiệu 445390, bán kính phục vụ bình quân trên một điểm phục vụ 3km đáp ứng các quy định của Bộ thông tin và truyền thông về diện tích, bán kính phục vụ, thực hiện niêm yết thời gian phục vụ, niêm yết nội quy sử dụng và treo biển hiệu theo quy định; đáp ứng tiêu chuẩn về mặt bằng, trang thiết bị theo quy định của ngành. Tại điểm bưu điện văn hóa xã có máy tính kết nối internet tại điểm phục vụ. Nhân viên tại Điểm phục vụ có khả năng sử dụng thành thạo và hướng dẫn được cho người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến. Điểm bưu điện văn hóa xã có khả năng tiếp nhận và trả hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến theo yêu cầu của người dân.

- Chỉ tiêu 8.2: Số người trong độ tuổi lao động sử dụng điện thoại thông minh là 2766 người/2965 người trong độ tuổi lao động, đạt 93,3%. Hiện nay,

việc sử dụng điện thoại thông minh của người dân trên địa bàn xã là khá phổ biến, ngoài việc nghe và gọi, người dân còn sử dụng điện thoại thông minh vào nhiều mục đích khác như truy cập internet, chia sẻ trên mạng xã hội, nghe nhạc, xem phim, chụp ảnh, quay video, giải trí, học tập; khai thác, sử dụng nhiều ứng dụng khác như thanh toán hoá đơn chuyên tiền, gửi email, tìm đường...

- Chỉ tiêu 8.3: Xã có 01 đài truyền thanh kết nối với hệ thống loa 7/7 thôn với 31 cụm loa và 54 loa đang hoạt động và đều được phủ sóng tới các thôn, đảm bảo truyền tải các chủ trương đường lối của Đảng, Chính sách Pháp luật của Nhà nước đến cộng đồng dân cư trong xã; 100% các thôn trên địa bàn xã đáp ứng được các điều kiện cơ bản: hạ tầng viễn thông có định mặt đất (Công nghệ băng rộng cố định), mạng thông tin di động mặt đất (Công nghệ di động 3G, 4G) sẵn sàng cung cấp đầy đủ các dịch vụ viễn thông, Internet theo quy định của Bộ thông tin và truyền thông. 100% các thôn có hộ gia đình thu xem được một trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng internet.

Xã có 01 điểm cung cấp xuất bản phẩm là chủ cửa hàng Lê Thị Na tại thôn Đại Từ 1, cung cấp các loại sách giáo khoa, ấn phẩm, tạp chí chủ yếu phục vụ nhu cầu của học sinh và người dân, điểm cung cấp xuất bản phẩm hoạt động theo các quy định của pháp luật.

- Chỉ tiêu 8.4: Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt 100%. Từ ngày 15/01/2022 đến tháng 31/12/2022, tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính là 1701 trong đó trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử xã là 1701 Hồ sơ; chứng thực điện tử trên cổng dịch vụ công quốc gia do Sở Tư pháp triển khai 402 hồ sơ. Hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 là 278 hồ sơ, 4 là 559 hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã là 1701/170, đạt 100%.

Xã Đông Thịnh có tỷ lệ cán bộ công chức được trang bị máy tính phục vụ trong công việc đạt 100%; 17/17 cán bộ, công chức của xã (đạt 100%) đã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin. Ngoài việc tham gia các lớp tập huấn do Sở Thông tin và Truyền thông, cán bộ, công chức của xã được tham gia các lớp tập huấn online do Bộ Thông tin và Truyền thông và các đơn vị khác tổ chức, qua đó đã góp phần nâng cao kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin trong việc sử dụng các trang thiết bị, phần mềm ứng dụng CNTT, góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cán bộ, công chức xã. Trên địa bàn xã đã thành lập và ra mắt 05 mô hình ban điều hành ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng nông thôn mới tại 05 thôn. Các thôn đã tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới thông qua hình thức lấy phiếu đánh giá. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt 2437/2965 người, đạt tỷ lệ 82,2%.

Sản phẩm OCOP Dưa vàng T-farm được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử (postmart.vn hoặc voso.vn) để đưa sản phẩm OCOP

của xã được quảng bá trên sàn thương mại điện tử của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam (POStmart.vn), góp phần thúc đẩy, nâng cao giá trị thương hiệu, mở rộng thị trường cho sản phẩm.

Tỷ lệ hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ là 1623/1623, đạt 100%. Tuy nhiên do Bưu điện Việt Nam chưa thực hiện thông báo địa chỉ số cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh để triển khai gắn biển địa chỉ số, xã cam kết triển khai thực hiện khi có hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông và UBND huyện Đông Sơn theo quy định.

- Chỉ tiêu 8.5, tại trụ Sở UBND xã và Hội trường UBND xã đã được lắp đặt các wifi phục vụ nhu cầu sử dụng của cán bộ, công chức xã và người dân đến làm việc tại xã, 7/7 thôn, trạm y tế, bưu điện, công an, các trường học trên địa bàn xã cũng đã được lắp đặt wifi miễn phí phục vụ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, dễ dàng truy cập internet, sử dụng các dịch vụ số.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 8 về Thông Tin và Tuyên truyền: Đạt.

#### 4. 9. Tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư

a. Yêu cầu của tiêu chí:

*Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố:  $\geq 90\%$ .*

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tổng số hộ có nhà ở trong xã 1.555 hộ; trong đó, số hộ ở nhà tạm, nhà dột nát: 0 hộ; số hộ có nhà ở bán kiên cố và chưa đạt chuẩn 19 hộ, chiếm 1,22%. Tổng số hộ có nhà ở đạt chuẩn BXD 1.536 hộ, đạt tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt chuẩn BXD 1.536/1.555 hộ đạt 98,77% hộ; kiến trúc nhà ở dân cư phù hợp với phong tục tập quán sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn xã; các khu dân cư đã được chỉnh trang, đảm bảo xanh, sạch đẹp (như trồng hoa 2 bên đường; làm rãnh thoát nước có nắp đậy; bố trí cột đèn đường; cắt tỉa cây làm thông thoáng tầm nhìn; các hộ dân đã cơ bản chỉnh trang, sơ lại nhà cửa tường rào...vv).

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 9 về nhà ở dân cư: Đạt yêu cầu.

#### 4. 10. Tiêu chí số 10 về thu nhập

a. Yêu cầu của tiêu chí:

*Tiêu chí số 10: Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người), năm 2023:  $\geq 58$ .*

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hàng năm, Đảng ủy xã đã có nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội. Theo đó, UBND xã xây dựng kế hoạch và chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ từ sản xuất nông nghiệp theo hướng liên kết, chuỗi giá trị, cải tạo vườn hộ, trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao, đến duy trì, mở rộng các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, thu hút vốn đầu tư, tạo việc làm; từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động. Các doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh đã tạo công ăn việc làm ổn định

cho nhiều lao động tại địa phương, đặc biệt là các khu công nghiệp của huyện và thành phố Thanh Hóa đã thu hút và giải quyết việc làm với số lượng lớn lao động của xã, góp phần nâng cao mức thu nhập bình quân đầu người toàn xã. Sản xuất nông nghiệp có nhiều mô hình phát triển kinh tế mới hiệu quả, đem lại thu nhập cao cho người dân như: mô hình trồng trồng dưa vàng trong nhà màng, nhà lưới, mô hình phát triển kinh tế trang trại, vườn hộ được chỉnh trang, cải tạo trồng những cây có giá trị và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất... Vì vậy, đời sống của nhân dân không ngừng được nâng cao, thu nhập bình quân đầu người cũng tăng liên tục qua các năm.

Đến tháng 12/2022, thu nhập đạt 63 triệu đồng/người/năm và từ quý 4/2022 đến tháng 4 năm 2023 thu nhập bình quân đầu người tiếp tục được duy trì với mức thu nhập 63 triệu đồng/người/năm.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập: Đạt.

#### 4.11. Tiêu chí số 11 về nghèo đa chiều

a) Yêu cầu của tiêu chí:

*Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2023-2025 vùng 2: < 4 %.*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tổng số hộ nghèo của xã tại thời điểm thẩm tra: 01 hộ, là hộ nghèo không có khả năng lao động. Tổng số hộ nghèo của xã (đã trừ đi số hộ nghèo không có khả năng lao động) là 0 hộ (0%).

Tổng số hộ cận nghèo của xã tại thời điểm thẩm tra 21 hộ, trong đó 11 hộ cận nghèo không có khả năng lao động. Tổng số hộ cận nghèo của xã (đã trừ đi số hộ cận nghèo không có khả năng lao động) là 10 hộ.

$$\text{Tỷ lệ hộ cận nghèo của xã} = \frac{21 - 11}{1555 - 11} \times 100\% = 0,64\%$$

Tổng số hộ dân cư của xã tại thời điểm thẩm tra 1.555 hộ, số nhân khẩu 5.097 khẩu. Tỷ lệ nghèo đa chiều: (0 % + 0,64%) = 0,64 %.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 11 Nghèo đa chiều: Đạt.

#### 4.12. Tiêu chí 12 về Lao động

a) Yêu cầu của tiêu chí:

*12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): >= 80%*

*12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): >= 30 %*

*12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn: Nông, lâm, ngư nghiệp <30% hoặc Công nghiệp - Xây dựng >40% hoặc Dịch vụ >30%.*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tổng số hộ dân của xã: 1.555 hộ và 5.097 nhân khẩu, trong đó: Lực lượng lao động 2.965 người; lao động qua đào tạo 2.434 người; lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 1.058 người.

$$\text{- Tỷ lệ lao động qua đào tạo(\%)} = \frac{2434}{2965} \times 100\% = 82,09\%$$

$$\text{- Tỷ lệ LĐ qua ĐT có bằng cấp, chứng chỉ (\%)} = \frac{1058}{2965} \times 100\% = 35,68 \%$$

- Ngành kinh tế chủ lực của xã là ngành công nghiệp, xây dựng (*được công nhận tại công văn số 2178/UBND-LĐTĐXH ngày 27/10/2022 của UBND huyện Đông Sơn*).

$$\text{Tỷ lệ LĐ LV trong lĩnh vực CN,XD(\%)} = \frac{1724}{2965} \times 100\% = 58,15 \%$$

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 12 Lao Động: Đạt

#### 4.13. Tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí:

*13.1 Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.  $\geq 1$*

*13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn. (Đạt).*

*13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.  $\geq 1$*

*13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.  $\geq 1$  sản phẩm.*

*13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử.  $\geq 10\%$ .*

*13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng. Đạt (nếu có).*

*13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội. (Đạt)*

*13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)  $\geq 1$  mô hình.*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chi tiêu 13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

Xã có HTX DV nông nghiệp Đông Thịnh được thành lập năm 2001 với 07 thành viên tham gia, các thành viên HTX góp vốn bằng tiền Việt Nam đồng, tổng vốn điều lệ của HTX là 68.000.000 đồng, mức đóng góp tối đa không quá 20% vốn điều lệ của HTX. Hoạt động của HTX trong nhiều năm qua luôn có lãi,

đảm bảo lợi ích cho các thành viên HTX. Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chủ yếu: Gặt đập liên hoàn; dịch vụ tưới tiêu nội đồng; bảo vệ sản xuất, dịch vụ bảo vệ thực vật, bao tiêu sản phẩm lúa cho thành viên HTX và người dân ... Hàng năm, HTX thực hiện liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm lúa thương phẩm với Công ty cổ phần thương mại Sao Khuê theo chuỗi giá trị với số lượng, chất lượng ổn định hàng năm.

Hàng năm HTX được đánh giá xếp loại đạt loại khá. Trong 3 năm (2020 đến 2022) HTX thực hiện hợp đồng tiêu thụ 120ha/năm với Công ty cổ phần thương mại Sao Khuê. Lợi nhuận năm 2020 đạt 501.696 triệu đồng; năm 2021 đạt 509.184.000 triệu đồng, năm 2022 đạt 537.600.000 triệu đồng. Theo báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, HTX có lợi nhuận đạt 150 triệu đồng, duy trì thực hiện mô hình liên kết gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực của xã, bước đầu đã đem lại hiệu quả, tạo được niềm tin của xã viên và nhân dân trong xã.

- Chỉ tiêu 13.2, có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.

Thực hiện Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), năm 2023 UBND xã Đông Thịnh đã tập trung tuyên truyền, vận động các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn nâng cấp các cơ sở sản xuất, tạo thương hiệu sản phẩm và hoàn thiện các hồ sơ để tham gia đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP, bước đầu đã có sản phẩm Dưa vàng T-Farm đã được UBND huyện đánh giá, phân hạng và công nhận sản phẩm OCOP đạt 3 sao tại Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 15/5/2023.

- Chỉ tiêu 13.3, có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

Mô hình cơ giới hóa đã được duy trì, áp dụng trong nhiều năm liên tục với quy mô 100ha/vụ do Hợp tác xã thực hiện và liên kết với các chủ máy trên địa bàn để phục vụ nhu cầu của nhân dân với số lượng máy móc thực hiện trong các khâu sản xuất lúa:

+ Khâu làm đất: 10 máy làm đất (trong đó: HTX 2 máy, hợp đồng liên kết 8 máy) Kubota B2420, công suất 8 sào/h, đảm bảo làm đất trong 03 ngày, đáp ứng thời vụ cho sản xuất lúa. Ngoài ra lượng máy móc nêu trên còn cày bừa cho số diện tích còn lại của xã không tham gia thực hiện mô hình là 80 ha trong thời gian 2,5 ngày đã đáp ứng kịp thời vụ.

+ Khâu gieo cấy: 4 máy cấy, 1 máy làm mạ khay với công suất 10.000 khay/ngày (trong đó: HTX 1 máy; thuê ngoài 3 máy cấy, 1 máy làm mạ khay) với loại máy Kubota SL-K800WN, công suất 5ha/ngày/8h, đảm bảo thực hiện mô hình khâu gieo cấy hết 5 ngày.

+ Khâu tưới tiêu: Xã có hệ thống tưới tiêu tự chảy do hệ thống kênh đầu mối B16b; Kênh tiêu Xuân - Thịnh; Cầu Ê - Trường Tuế, trạm bơm tiêu Đông Thịnh do Công ty TNHH MTV Sông Chu cung cấp, đảm bảo cấp nước tưới và thoát nước tiêu chủ động, đáp ứng yêu cầu sản xuất.

+ Khâu chăm sóc: Toàn xã có 118 bình bơm điện phục vụ cho nhân dân phòng trừ sâu bệnh, phun thuốc diệt cỏ.

+ Khâu thu hoạch: 5 máy gặt (trong đó: HTX 1 máy, thuê ngoài: 4 máy) với loại máy Kubota DC60; công suất 14ha/ngày/8h. Mô hình thu hoạch tập trung bằng máy gặt đập liên hợp trong thời gian 1,5 ngày hoàn thành. Tỷ lệ trung bình thực hiện bằng cơ giới hóa đồng bộ trong các khâu của mô hình đạt 82%:

+ Khâu làm đất: 180ha/180ha cơ giới hóa đạt 100%

+ Khâu gieo trồng: 100ha/180ha cơ giới hóa đạt 55,5%

+ Khâu chăm sóc: 100ha/180ha cơ giới hóa đạt 55,5%

+ Khâu thu hoạch: 180ha/180ha cơ giới hóa đạt 100%

+ Khâu tưới tiêu chủ động: 180ha/180ha đạt 100%

- Chỉ tiêu 13.4. Ứng dụng chuyên đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã

Xác định Gạo là sản phẩm chủ lực, xã Đông Thịnh đã tập trung chỉ đạo, tuyên truyền cho nhân dân về sản xuất lúa an toàn, ghi nhật ký quá trình canh tác để phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm; duy trì và phát triển vùng sản xuất lúa tập trung, năng suất chất lượng hiệu quả cao, quy mô 120 ha, chiếm 33,57% trên địa bàn xã với tổng diện tích sản xuất lúa 375,5 ha; năng suất bình quân 64 tạ/ha; sản lượng 2.288 tấn. Giá trị sản xuất lúa 18,3 tỷ đồng chiếm 17,43% tổng giá trị ngành nông nghiệp.

Kết quả ứng dụng chuyên đổi số để truy xuất nguồn gốc, Công ty cổ phần thương mại Sao Khuê phối hợp với Công ty cổ phần Icheck cung cấp dịch vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm để ký kết hợp đồng, thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc và cấp tem cho sản phẩm gạo của xã. Đến nay, đã có 40.000 tem được dán trên bao bì sản phẩm, phục vụ cho công tác truy xuất nguồn gốc sản phẩm ở từng công đoạn. Lượng gạo đưa ra thị trường hiện nay 840 tấn được liên kết tiêu thụ, giá trị tăng gấp 1,7 lần so với sản xuất bình thường.

- Chỉ tiêu 13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử. (tỷ lệ đạt  $\geq 10\%$ ).

Sản phẩm chủ lực của xã là gạo, hợp tác xã đã liên kết tiêu thụ lúa tươi với công ty cổ phần thương mại Sao Khuê với diện tích 120 ha/375,5ha chiếm 31,96% diện tích toàn xã. Công ty Sao Khuê đã ký hợp đồng với công ty cổ phần Icheck về việc làm mã QR hiện thị tất cả các quy trình từ khâu sản xuất đến việc bảo quản, chế biến thương mại. Người tiêu dùng có thể quét mã tem sẽ ra đầy đủ các thông tin cần thiết. Sản phẩm gạo được đem ra thị trường tiêu thụ là gạo

Thanh Hương 2. Được công ty giới thiệu trên trang <http://Saokhue.vn.com> và trang nông sản an toàn <http://WWW.nongsanantoanThanhHoa.Vn>.

- Chỉ tiêu 13.6. Vùng nguyên liệu tập trung 160ha sản xuất lúa là sản phẩm nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng. Trong đó, UBND chỉ đạo và giao HTX DVNN triển khai thực hiện vùng trồng lúa tập trung tại thôn Ngọc Lậu 1 với 30 hộ tham gia, quy mô diện tích 4,65 ha.

- Chỉ tiêu 13.7. Triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

Xã thường xuyên tuyên truyền và quảng bá di sản văn hóa chung cả huyện và các hình ảnh hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của xã trên trang fanpage của xã tại địa chỉ UBND xã Đông Thịnh. Địa chỉ đường link: <https://WWW.facebook.com/UBND-x%C3%A3%C4%94NG-THỊNH-103197459228639> .

- Chỉ tiêu 13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)

Mô hình Dưa vàng T-farm tại địa điểm Thôn Đà Ninh, xã Đông Thịnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa với quy mô 2,7ha; số lượng 91tấn/năm, loại hình sản xuất kinh doanh: trang Trại. Sản phẩm chính của mô hình là Dưa vàng, kết quả thực hiện với doanh thu 2.170.500.000 đồng, chi phí sản xuất 1.622.172.500 đồng, lợi nhuận 548.327.500 đồng đã mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo công ăn việc làm thường xuyên cho 14 lao động trong và ngoài huyện với mức thu nhập mỗi lao động khoảng 6 triệu/tháng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: Đạt.

#### 4.14. Tiêu chí 14 về Y tế:

##### a) Yêu cầu của tiêu chí:

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).  $\geq 95\%$ .

14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 90\%$ .

14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 40\%$ .

14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử:  $\geq 70\%$ .

##### b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 14.1: Tổng số nhân khẩu của 5.097 người. Số người có thẻ BHYT 4.730 người, trong đó: Công an ; Quân đội; thân nhân công an, quân đội 46 người. Số người tham gia BHYT 4084 người, số người tham gia xuất khẩu lao động 325 người. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT  $4730/(5099-325)$  đạt 99,08%.

- Chỉ tiêu 14.2: Trạm y tế xã Đông Thịnh được đầu tư xây dựng 2 tầng, diện tích 380 m<sup>2</sup> và 15 phòng chức năng, 6 giường bệnh. Hàng năm được trung



tâm y tế bổ sung một số trang thiết bị chuyên môn phục vụ công tác khám chữa bệnh đạt hiệu quả. Thuốc thiết yếu trong danh mục BHYT và tủ thuốc tại trạm y tế cung ứng đầy đủ phục vụ nhân dân. Trạm y tế có vườn mẫu thuốc nam có đủ 70 loại theo qui định của bộ y tế, hướng dẫn cho nhân dân hái và sử dụng điều trị các bệnh thông thường. Nhân lực trạm y tế xã có 5 người (03 y sỹ đa khoa, 01 y sỹ định hướng sản nhi và 01 điều dưỡng)

Hàng năm TYT xã đã xây dựng kế hoạch cụ thể về công tác KCB cho nhân dân và triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn, số liệu đến ngày 21/3/2023, tỷ lệ người dân được quản lý sức khỏe (5006/5040 người, đạt 99,325%).

- Chỉ tiêu số 14.3, xã đã triển khai đến các người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa áp dụng cho cả nam và nữ qua phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân như APP MOBIL điện thoại thông minh để cài đặt phần mềm tiêm chủng cho trẻ < 5 tuổi, phụ nữ có thai, tiêm vắc xin phòng chống Covid-19 và cài đặt PC Covid, Sổ sức khỏe điện tử ... Tỷ lệ người dân có sử dụng điện thoại thông minh có APP đạt 2852/5152 người đạt 55,4%.

- Chỉ tiêu số 14.4, UBND xã đã tổ chức triển khai thực hiện hồ sơ sức khỏe điện tử, đồng thời tuyên truyền và hướng dẫn người dân sử dụng khám chữa bệnh từ xa được tích hợp trong phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân, kết quả toàn xã đến ngày 21/3/2023, tỷ lệ người dân được cập nhật thông tin về sức khỏe đạt 5006/5.040 người, đạt 99,325%.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 14 về Y tế: Đạt.

4.15. Tiêu chí 15 về Hành chính công

a) Yêu cầu của tiêu chí:

*15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (Đạt).*

*15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên (Đạt).*

*15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp (Đạt).*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 15.1 Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC)

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã Đông Thịnh có diện tích 68m<sup>2</sup>, được bố trí 02 dãy ghế ngồi chờ cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch. Cơ sở vật chất, trang thiết bị gồm: 02 điều hòa; hệ thống camera theo dõi với 03 mắt quan sát, 01 bàn làm việc khép kín với 05 quầy giao dịch, 05 máy tính kết nối mạng, 05 máy in, 01 máy photocopy, 01 máy Scan; 05 tủ đựng hồ sơ cho công chức chuyên môn đựng tài liệu; cán bộ công chức đã được cấp và sử dụng chứng thư số; 04 quạt mát, hệ thống các bảng biểu và các trang thiết bị cần thiết khác đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan. UBND xã thực

hiện việc số hóa, lưu trữ, luân chuyển, xử lý văn bản đi, đến trên phần mềm quản lý văn bản kịp thời; thực hiện ký số, số hóa văn bản đi, đến theo đúng quy định.

Thực hiện đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình giải quyết công việc: 20/20 cán bộ công chức sử dụng thành thạo máy tính trong giải quyết công việc, đạt 100 %; 100% máy tính của tất cả cán bộ công chức được kết nối mạng Internet; hiện tại các bộ phận chuyên môn đã và đang áp dụng hệ chương trình quản lý hồ sơ công việc trên phần mềm Td-Office và giải quyết công việc trên môi trường Điện tử một cửa và dịch vụ công; 100% hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã đều thực hiện trên phần mềm một cửa điện tử đi vào hoạt động ổn định phục vụ cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện TTHC.

- Chỉ tiêu 15.2 Có dịch vụ công trực tuyến đảm bảo đạt mức độ 3, 4; tỷ lệ hồ sơ luôn đạt chỉ tiêu tỉnh giao; 100% các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của xã được đảm bảo chỉ tiêu huyện giao. Năm 2021 giải quyết trực tuyến mức độ 3 là 204/241 hồ sơ, đạt 84,65%; tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là 368/390 hồ sơ đạt 94,36%, vượt chỉ tiêu tỉnh giao. Năm 2022 giải quyết trực tuyến mức độ 3 là 275/286 hồ sơ, đạt 95,15%; tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là 558/558 hồ sơ đạt 100%, vượt chỉ tiêu tỉnh giao. Đến quý I/2023 tiếp nhận dịch vụ công trực tuyến một phần là 87/87 hồ sơ, đạt 100%. Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến toàn tỉnh là 138/138 hồ sơ, đạt 100%, vượt chỉ tiêu tỉnh giao.

UBND xã đã tiếp nhận và thực hiện 838 bản sao chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.

- Chỉ tiêu 15.3 Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

UBND xã Đông Thịnh thực hiện tốt công tác công khai, minh bạch TTHC thông qua hình thức niêm yết công khai bằng bảng giấy tại trụ sở cơ quan 247/247 TTHC thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; niêm yết danh mục 11 TTHC dịch vụ công mức độ 3; 27 TTHC mức độ 4 tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả trên Trang thông tin điện tử của xã. 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý, trả kết quả trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC; đã thực hiện scan số hoá hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.

Việc giải quyết thủ tục hành chính theo hướng tinh gọn, đơn giản, dễ thực hiện, kết hợp với thái độ phục vụ tận tình, ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức. Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp năm 2021 và đến thời điểm hiện tại đạt 18/18 điểm, xếp loại xuất sắc; tỷ lệ đánh giá sự hài lòng về giải quyết TTHC của UBND xã đạt 02/02 điểm, đạt 100% hài lòng và rất hài lòng, không để xảy ra, khiếu nại vượt cấp.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 15 Tiêu chí Hành chính công: Đạt.

4.16. Tiêu chí 16 về Tiếp cận pháp luật:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận  $\geq 1$ .

16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành:  $\geq 90\%$

16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu:  $\geq 90\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu.16.1. Đã có 2 mô hình phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận: Mô hình “ Làng quê an toàn cho phụ nữ và trẻ em”; mô hình “Tổ hòa giải cơ sở kiểu mẫu” tại thôn Đại Từ 3.

- Chỉ tiêu 16.2. Không có vụ việc nào thuộc phạm vi hòa giải.

- Chỉ tiêu 16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu: Không có người yêu cầu.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 16 Tiêu chí Tiếp Cận Pháp Luật: Đạt.

4.17. Tiêu chí 17 về Môi trường:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường (Đạt).

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: 100%.

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định:  $\geq 85\%$ .

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả  $\geq 40\%$ .

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn  $\geq 50\%$ .

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường: 100%.

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường:  $\geq 80\%$ .

17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường:  $\geq 85\%$ .

17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch (Đạt).

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng  $\geq 5\%$ .

17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn:  $\geq 4m^2$ /người.

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định:  $\geq 70\%$ .

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 17.1 Trên địa bàn xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, khu chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), khu nuôi trồng thủy sản; 99/99 hộ gia đình là các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ trong khu dân cư đã ký cam kết bảo vệ môi trường, 100% hộ chăn nuôi có hệ thống xử lý chất thải, hệ thống bể bioga, đê mốt sinh học đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Chỉ tiêu 17.2 Toàn xã có 128 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường (Không có làng nghề) đạt 100%. Trong đó có 01 cơ sở sản xuất (Trang trại T- Farm) thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường đã lập hồ sơ môi trường theo quy định và 127 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường đã ký cam kết bảo vệ môi trường theo quy định.

- Chỉ tiêu 17.3: Xã Đông Thịnh có 1555/1555 hộ gia đình, đạt 100% số hộ đã ký hợp đồng thu gom chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại với hợp tác xã dịch vụ môi trường Tân Sơn.

- Chỉ tiêu 17.4. Tất cả các hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp. Có hệ thống xử lý đầu nối hệ thống xử lý nước thải tập trung của xã. Có 1028/1555 hộ gia đình có hệ thống xử lý, đạt 66,1%.

- Chỉ tiêu 17.5. Toàn xã có 100% số hộ đã thực hiện biện pháp thu gom xử lý rác thải. Trong đó có 1028 hộ/1555 hộ đạt 66,1% số hộ gia đình trên địa bàn xã đã thực hiện phân loại rác thải tại nguồn trước khi hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường Tân Sơn thu gom để vận chuyển đến bãi tập trung rác thải để xử lý.

- Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Toàn xã có 28 bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường (thôn Đà Ninh: 4 bể; thôn Đại Từ 1: 6 bể; thôn Đại Từ 2: 3 bể; thôn Đại Từ 3: 3 bể; thôn Ngọc Lậu 1: 6 bể; thôn Ngọc Lậu 2: 3 bể; Thôn Đoàn Kết: 6 bể;). Tại mỗi xứ đồng của từng thôn có đặt các bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, hàng tháng tổ thu gom rác thu gom để vận chuyển về bãi rác tập trung của tỉnh. UBND huyện Đông Sơn đã ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại với HTX dịch vụ môi trường Tân Sơn. Chịu trách nhiệm thu gom vận chuyển toàn bộ khối lượng chất thải rắn nguy hại trên địa bàn xã Đông Thịnh.

- Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường  $\geq 80\%$ .

Tỷ lệ khối lượng chất thải được thu gom, xử lý, tái sử dụng/khối lượng chất thải phát sinh đạt  $\geq 86,75\%$

$$T_{\text{thải}} = \frac{\text{Khối lượng chất thải thu gom}}{\text{Khối lượng chất thải phát sinh}} = \frac{4.269}{4.921} = 86,75\%$$

Tỷ lệ hộ gia đình, trang trại áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp/tổng số hộ gia đình, trang trại đạt 100%.

$$T_{\text{hộ}} = \frac{\text{Số hộ áp dụng biện pháp}}{\text{Tổng số hộ}} = \frac{991}{991} = 100\%$$

- Chi tiêu.17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường  $\geq 85\%$ .

Tổng số cơ sở chăn nuôi: 99 cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ. Tổng đàn chăn nuôi toàn xã gồm: Đàn lợn 55 con, 30 hộ; đàn trâu, bò 65 con, 42 hộ; đàn gia cầm 8.415 con, 61 hộ đều đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường. Các hộ chăn nuôi đều thực hiện biện pháp xử lý trong chăn nuôi và được cập nhật phần mềm trên hệ thống. Chuồng nuôi được tách biệt với nơi ở của người, vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi định kỳ. Chất thải trong được xử lý: phần phân khô được ủ làm phân bón và phần nước tiểu, nước rửa chuồng được cho xuống hố bioga đảm bảo vệ sinh môi trường. Các hộ chăn nuôi thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 của Luật Chăn nuôi. Qua kiểm tra, theo dõi hộ chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường 95/99 hộ đạt 96%

- Chi tiêu 17.9: Tổng số nghĩa trang trên địa bàn xã 10/7 thôn với tổng diện tích 6,82 ha. Bình quân 1,42 ha/ngĩa trang, nghĩa địa/thôn, diện tích bình quân 0,682 ha. Nghĩa trang có diện tích lớn nhất là 2,5 ha (nghĩa trang Mã Nàng được mở rộng 2,5 ha), diện tích nhỏ nhất là 0,27 ha (thôn Ngọc Lậu 1). Các nghĩa trang được UBND xã ban hành quy chế sử dụng nghĩa trang trên địa bàn xã Đông Thịnh tại Quyết định số 410/QĐ-UBND, ngày 12/5/2022; được thành lập Ban quản trang, việc mai táng của nhân dân được thực hiện đúng theo quy chế, đảm bảo công tác vệ sinh môi trường trong và ngoài khu nghĩa trang.

- Chi tiêu 17.10: Theo số liệu thống kê việc mai táng trong vòng 3 năm gần nhất cụ thể:

+ Năm 2021: Số người từ trần là 34 người, hình thức tang là hung táng và hỏa táng, diện tích các mộ trung bình từ 2,5m<sup>2</sup>; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung và theo quy định về mai táng. Trong đó có 32 trường hợp hỏa táng, chiếm 94,11%.

+ Năm 2022: Số người từ trần là 46 người; hình thức táng là hung táng và hỏa táng, diện tích các mộ trung bình từ 2,5m<sup>2</sup>; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung và theo quy định về mai táng. Trong đó có 21 trường hợp hỏa táng, chiếm 45,6%.

+ Năm 2023 (tính đến ngày 16/3): Số người từ trần là 11 người; hình thức táng là hung táng và hỏa và hỏa táng, diện tích các mộ trung bình từ 2,5m<sup>2</sup>; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung và theo quy định về mai táng. Trong đó có 7 trường hợp hỏa táng, chiếm 63,6%.

Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng qua các năm: Năm 2018, tỷ lệ đạt  $22/33 = 66,67\%$ ; năm 2019, đạt tỷ lệ  $15/22 = 68,1\%$ ; năm 2020, đạt tỷ lệ  $21/43 = 48,83\%$ ; năm 2021, đạt tỷ lệ  $32/34 = 94,11\%$ ; năm 2022, đạt tỷ lệ  $21/46 = 45,6\%$  và tính đến ngày 16/3/2023, đạt tỷ lệ  $7/11 = 63,6\%$ .

Chỉ tiêu 17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn  $\geq 4\text{m}^2/\text{người}$ .

Sự phân bố dân cư trên địa bàn xã khá đồng đều, được phân bố tại các thôn. Trong số các địa điểm có cây xanh như khu vực các nhà văn hóa các thôn; khu vui chơi của thôn, trung tâm văn hóa thể thao của xã, các khuôn viên của 3 nhà trường, trạm y tế dùng để cho nhân dân, học sinh hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các dải cây ven đường các trục đường 517, đường BT chạy qua, các trục đường chính liên xã, liên thôn dùng để tạo bóng mát cho nhân dân đi lại, cây xanh còn điều hòa không khí, tạo cho môi trường được trong lành hơn và đạt tỷ lệ  $4,25\text{m}^2/\text{người}$ .

$$T_{\text{đất cây xanh}} = \frac{21.662}{5.097} = 4,25 \text{ (m}^2/\text{người)}$$

Đánh giá chung, khả năng tiếp cận cây xanh của người dân trên địa bàn xã đã đảm bảo nhu cầu. Đa số người dân đã lựa chọn nhà văn hóa và dải cây ven đường để tiếp cận, đi bộ, thể thao; thời gian nhân dân dành cho hoạt động tại các điểm nhà văn hóa, khu vui chơi, đi bộ tập luyện thể dục thể thao đã được quan tâm và dành nhiều hơn, làm tăng khả năng tiếp cận với cây xanh, thông qua đó cải thiện sức khỏe và chất lượng cuộc sống.

- Chỉ tiêu 17.12: Khối lượng chất thải nhựa phát sinh (kg/năm) của các hộ gia đình là 3.011kg, Khối lượng chất thải nhựa phát được thu gom tái chế sử dụng: 2.262kg, tỷ lệ đã được thu gom  $2.262/3.011$  đạt tỷ lệ 75%.

c. Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 17 Môi trường: Đạt

4.18. Tiêu chí 18 về Chất lượng môi trường sống

a) Yêu cầu của tiêu chí:

18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung:  $\geq 55\%$

18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm  $\geq 60$  lít.

18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững:  $\geq 30\%$

18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm: 100%.

18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã (Không).

18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: 100%.

18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch  $\geq 95\%$ .

18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường: 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 18.1 Hiện trạng sử dụng nước trên địa bàn xã: Cuối năm 2009, xã Đông Thịnh đã đầu tư hệ thống đường ống cấp nước sạch và ký kết thoả thuận với Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa – chi nhánh Đông Sơn, cấp nước cho 7 thôn trên địa bàn xã. Năm 2023, xã đã thực hiện điều tra, đánh giá tất cả các hộ dân sử dụng nguồn nước sạch đạt quy chuẩn và sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn xã.

Chất lượng nước của công ty: Các thông số chất lượng nước đáp ứng ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá ban hành theo QĐ số 16/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021.

- Số hộ dân đầu nối sử dụng nước sạch từ nhà máy là 1555 /1.555 hộ đạt 100%;

Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước HVS toàn xã đạt: 1555 /1.555 hộ, đạt 100%; Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước sạch: 1/1 hộ, đạt 100%; Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước HVS: 1/1 hộ, đạt 100%.

- Chỉ tiêu 18.2: Cấp nước sinh hoạt bình quân đầu người /ngày đêm (lít/người/ngày đêm): 73,9lítm, được tính như sau:

$$= \frac{506 * 1000}{1.555 * 4,4} = 73,9 \text{ lít/người/ngày đêm}$$

Trong đó: Sản lượng trung bình ngày: 506 m<sup>3</sup>; số hộ dân toàn xã sử dụng nước: 1.555 hộ.

- Chỉ tiêu 18.3 Công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững, được thực hiện cấp nước thường xuyên, tỷ lệ công suất khai thác thực tế so với công suất thiết kế luôn đảm bảo năm sau cao hơn năm trước, có các cán bộ quản lý, vận hành đảm bảo chuyên môn, năng lực quản lý phù hợp quy mô, yêu cầu kỹ thuật của công trình, đảm bảo hoạt động bền vững. Đánh giá mức độ hoạt động bền vững của công trình dựa vào các tiêu chí đánh giá của Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn đạt 95 điểm

- Chỉ tiêu 18.4: Toàn xã có 93 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn, trong đó: cấp xã 75 cơ sở, cấp huyện 17 cơ sở, cấp tỉnh 01 cơ sở (Bếp ăn tập thể trường Mầm non); ngành Nông nghiệp 53 cơ sở, ngành Y tế 18 cơ sở, ngành Công thương 12 cơ sở. Hàng năm UBND xã, phối hợp với Văn phòng Điều phối về Vệ sinh ATTP huyện xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm cho 93/93 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống đạt 100%.

- Chỉ tiêu 18.5 Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã. Công tác triển khai các nhiệm vụ phòng chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn xã được triển khai thường xuyên, có hiệu quả, từ năm 2021 đến nay trên địa bàn xã không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm.

- Chỉ tiêu 18.6 Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm. Qua rà soát, thống kê, trên địa bàn xã có 02 cơ sở sản xuất, kinh doanh (01 cơ sở sản xuất Nem, giò chả và cơ sở sản xuất Dưa vàng T-Farm, được UBND huyện thẩm định điều kiện và cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, đạt 100%.

- Chỉ tiêu 18.7: Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch.

Trong 3 năm (từ năm 2021 đến năm 2023) Đảng ủy, HĐND xã đã ra nghị quyết về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trong địa phương đặc biệt chú trọng công tác phòng bệnh, chất lượng môi trường sống trong xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu BCĐCSSKND, UBND xã đã lập kế hoạch với mục tiêu 100 % số hộ y tế được sử dụng nước sạch, nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh và tiến hành tổ chức thực hiện xây dựng 3 công trình vệ sinh, kết quả: Năm 2021: Nhà tiêu HVS đạt 1520/1555 hộ = 97,74%; nhà tắm đạt 100%; nguồn nước HVS đạt 100%; Năm 2022: Nhà tiêu HVS đạt 1535/1555 hộ = 98,71%; nhà tắm đạt 100%; nguồn nước HVS đạt 100%; Năm 2023: Nhà tiêu HVS đạt 1549/1555 hộ = 99,6%; nhà tắm đạt 100%; nguồn nước HVS đạt 100%;

- Chỉ tiêu 18.8. Trên địa bàn xã Đông Thịnh không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt. Ký hợp đồng thu gom rác thải với HTX dịch vụ Môi trường Tân Sơn thu gom, vận chuyển về nơi chôn lấp, xử lý tập trung tại xã Đông Nam, đạt tỷ lệ 100%.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 18 Tiêu chí Môi trường sống: Đạt

#### **4.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An Thịnh**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

*19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân (Đạt).*

*19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an Thịnh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an Thịnh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả (Đạt).*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 19.1 Hàng năm ban chỉ huy quân sự xã luôn được kiện toàn đủ 4 chức danh gồm (Chỉ huy trưởng; Phó chỉ huy trưởng đã được đào tạo qua



trường Đại học và trung cấp quân sự; chính trị viên và chính trị viên phó là bí thư Đảng uỷ và bí thư đoàn thanh niên chức danh kiêm nhiệm theo Luật dân quân quy định).

Cán bộ Dân quân tự vệ gồm: 11 đ/c được biên chế, bổ nhiệm theo đúng quy định, cụ thể 01 Trung đội trưởng DQCĐ; 03 Tiểu đội trưởng DQCĐ; 07 Thôn đội trưởng kiêm Tổ trưởng tổ dân quân tại chỗ; thực hiện nghiêm túc chế độ đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ dân quân. Số công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ DQTV toàn xã là 734 đ/c (nam 502 đồng chí, nữ 232 đồng chí). Lực lượng Dân quân của xã 55 đ/c/5097 nhân khẩu đạt 1,07% so với dân số toàn xã (không tính Ban CHQS xã). Trong đó: Dân quân cơ động: 1b DQCĐ 28 đ/c; Dân quân tại chỗ: 07 tổ 21 đ/c; Dân quân bình chủng 02 tổ có 06 đ/c (01 tổ Hóa học, 01 tổ Thông tin).

Tỷ lệ Đảng viên trong lực lượng Dân quân 35,7%; trong lực lượng dân quân cơ động đạt 42,8%; 100% cán bộ, chiến sỹ lực lượng dân quân có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt; Chỉ huy trưởng, Ban CHQS trình độ Đại học ngành quân sự cơ sở cán bộ, chiến sỹ Dân quân luôn sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. UBND xã đảm bảo chính sách và cơ sở vật chất đúng theo Luật quy định, chi trả kịp thời khi thực hiện các nhiệm vụ theo Luật DQTV. Được bố trí phòng làm việc riêng, có phòng trực, tủ súng, camera an ninh tủ súng và được cấp công cụ hỗ trợ cho hoạt động giữ ANCT, TTATXH, phòng thủ dân sự, phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai.

Ban CHQS xã xây dựng Kế hoạch trực SSCĐ; kế hoạch phối hợp với MTTQ các ban, ngành đơn vị; kế hoạch phối hợp hoạt động giữa LLDQ với LLCA trong công tác giữ gìn ANTT và TTXH... luôn điều chỉnh, bổ sung hàng năm. Hệ thống văn bản đầy đủ theo quy định.

Công tác rà soát, đăng ký nam công dân trong độ tuổi quy định đầy đủ, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ trong độ tuổi đúng quy định, đảm bảo quy trình và pháp luật. Hàng năm giao quân đều đạt chỉ tiêu huyện giao; tham mưu phối hợp với MTTQ, các ban ngành đoàn thể, từ xã đến thôn tổ chức tốt tuyên truyền đến nội công dân thực hiện Luật NVQS.

- Chỉ tiêu 19.2, tình hình an ninh nông thôn luôn được giữ vững, không có khiếu kiện đông người, vượt cấp trái pháp luật.

Tội phạm và tệ nạn xã hội được kiềm chế, năm sau giảm so với năm trước. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của pháp luật; không có các tụ điểm phức tạp về hình sự, kinh tế, ma tuý, môi trường. Tình hình công dân cư trú trên địa bàn xã phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của pháp luật từ năm 2020 đến nay như sau: Năm 2020 và 2022 trên địa bàn xã không có công dân cư trú phạm tội nghiêm trọng trở lên. Năm 2021 trên địa bàn xã xảy ra 01 vụ giết người ngày 18/8/2021 tại thôn Đoàn kết, Công an tỉnh đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ

sung năm 2017 (UBND xã đã có báo cáo giải trình vụ việc). Không có công dân cư trú trên địa bàn xã gây tai nạn giao thông, cháy, nổ nghiêm trọng trở lên theo quy định pháp luật; không có các tụ điểm phức tạp về hình sự, kinh tế, ma túy, môi trường.

Tỷ lệ khu dân cư cư trú được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn ANTT” từ 90% trở lên (năm 2020, 2021, 2022 tất cả 7/7 thôn đạt tiêu chuẩn “An toàn ANTT”, xã trong 3 năm liên tục (từ năm 2020 đến năm 2022) luôn được Chủ tịch UBND huyện công nhận xã tiêu chuẩn “An toàn ANTT”, hiện nay xã có 03 mô hình tự quản về ANTT hoạt động thường xuyên, hiệu quả: (1) Mô hình “Công trường tự quản ANTT-ATGT”; (2) mô hình “3 trên 1”; (3) Mô hình “Camera giám sát ANTT”.

Xã Đông Thịnh không thuộc xã trọng điểm, phức tạp về ANTT. Lực lượng Công an xã đã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh; năm 2020, 2022 đạt danh hiệu Quyết thắng; năm 2021 đạt danh hiệu Tiên tiến.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 19 Tiêu chí Quốc Phòng – An Ninh: Đạt.

5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao. Xã Đông Thịnh không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM nâng cao.

6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

Tập trung duy trì, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, phấn đấu hoàn thành xã NTM kiểu mẫu vào cuối năm 2023.

## **II. KẾT LUẬN**

1. Về hồ sơ: Nội dung, thành phần hồ sơ đã được xã Đông Thịnh thực hiện đảm bảo đầy đủ đúng theo quy định tại Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025 và Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg, ngày 02/8/2022 về Ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025.

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao: Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Đông Thịnh đã được UBND huyện Đông Sơn thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao: Xã Đông Thịnh không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM nâng cao.

## **III. KIẾN NGHỊ**

UBND huyện Đông Sơn đề nghị Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Hội đồng thẩm định xã đạt

chuẩn NTM nâng cao tỉnh Thanh Hóa tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận xã Đông Thịnh đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2023./.

***Nơi nhận:***

- Hội đồng TĐ NTM tỉnh (Báo cáo);
- VPĐP NTM tỉnh Thanh Hóa (Báo cáo);
- BCĐ các chương trình AMTQGG huyện (để chỉ đạo);
- Các thành viên BCĐ huyện;
- UB MTQT huyện, Hội Nông dân, Phụ Nữ, CCB, Huyện đoàn; Liên đoàn LĐ huyện;
- BCĐ NTM xã Đông Thịnh.
- Lưu, VT; VTĐP.

**TM. UBND HUYỆN ĐÔNG SƠN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thế Sơn**

**BIỂU TỔNG HỢP**  
**KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**  
**ĐẾN NĂM 2023 ĐỐI VỚI XÃ ĐÔNG THỊNH HUYỆN ĐÔNG SƠN**

(Kèm theo Báo cáo số 143 /BC-UBND ngày 09 /6/2023 của UBND Huyện Đông Sơn )

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 (bao gồm cả huyện Đông Sơn) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 259/QĐ-TTG ngày 17/3/2023. Xã Đông Thịnh đã thực hiện rà soát các nội dung Quy hoạch nông thôn (QHC) đảm bảo phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn đến năm 2040, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 11/02/2019. (Đạt)	Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 (bao gồm cả huyện Đông Sơn) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 259/QĐ-TTG ngày 17/3/2023. Xã Đông Thịnh đã thực hiện rà soát các nội dung Quy hoạch nông thôn (QHC) đảm bảo phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn đến năm 2040, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 11/02/2019. (Đạt)
		1.2. Có Quy định quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn; tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Quy định quản lý QHC đã được rà soát theo Điều chỉnh QHC đảm bảo phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn đến năm 2040; Quyết định số 1645/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn về phê duyệt Quy chế quản lý quy hoạch NTM xã Đông Thịnh. (Đạt)	Quy định quản lý QHC đã được rà soát theo Điều chỉnh QHC đảm bảo phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn đến năm 2040; Quyết định số 1644/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn về phê duyệt Quy chế quản lý quy hoạch NTM xã Đông Thịnh. (Đạt)
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	Xã có quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư mới tỷ lệ 1/500 QHCT các điểm dân cư nông thôn phù hợp với định hướng đô thị hóa và theo quy hoạch cấp trên. (Đạt)	Xã có quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư mới tỷ lệ 1/500 QHCT các điểm dân cư nông thôn phù hợp với định hướng đô thị hóa và theo quy hoạch cấp trên. 100% các mặt bằng được thực hiện đúng theo quy định về quy hoạch khu dân cư, điểm dân cư được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. (Đạt)

2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.	100% được bảo trì hàng năm, được bê tông hoá hoặc nhựa hoá, có chiều rộng mặt đường $\geq 4,5m$ , chiều rộng nền đường $\geq 6,5m$ (trong đó: $\geq 60%$ đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định).	Có 2,54km/2,54km đạt 100% % mặt đường được nhựa hoá, chiều rộng $B_m \geq 4,5m$ , chiều rộng nền đường $B_n \geq 6,5m$ và đảm bảo đạt tỷ lệ $\geq 60%$ các hạng mục theo quy định (rãnh thoát nước, điện chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) (Đạt)	Đảm bảo 2,54km/2,54km đạt 100% % mặt đường được nhựa hoá, chiều rộng $B_m \geq 4,5m$ , chiều rộng nền đường $B_n \geq 6,5m$ và đạt tỷ lệ $\geq 60%$ các hạng mục theo quy định (rãnh thoát nước, điện chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) (Đạt)
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản được cứng hóa và bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.	100% được cứng hóa và bảo trì hàng năm (trong đó: $\geq 80%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$ , chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$ và $\geq 50%$ đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định	Có 5,59/5,59km được bảo trì hàng năm và được bê tông hoá hoặc nhựa hoá, đạt tỷ lệ 100%; 100% đường thôn sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) (Đạt)	Đường thôn được cứng hóa và hoặc nhựa hoá 5,59/5,59km và được bảo trì hàng năm, đạt tỷ lệ 100%; tất cả các tuyến đường thôn đều đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) (Đạt)
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	$\geq 90%$ (trong đó: $\geq 80%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$ , chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$ )	7,943/7,943km, đạt 100% đường ngõ, xóm được bê tông hoá, nhựa hoá và đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$ , chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$ ) (Đạt)	7,943/7,943km, đạt 100% đường ngõ, xóm được bê tông hoá, nhựa hoá và đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$ , chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$ ) (Đạt)
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	100% (trong đó: $\geq 70%$ bê tông hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$ , chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$ )	Có 8,335km/8,335km đường trục chính nội đồng, đạt 100% cứng hoá; trong đó có 7,735/8,335km đạt 92,8% bê tông hóa, đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$ , chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$ (Đạt)	Có 8,335km/8,335km đường trục chính nội đồng, đạt 100% cứng hoá; trong đó có 7,735/8,335km đạt 92,8% bê tông hóa, đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$ , chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$ (Đạt)
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	$\geq 90%$	100%	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động 383,9/383,9 ha, đạt tỷ lệ 100%; Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động 387,68/387,68 ha, đạt tỷ lệ 100%; Diện tích đất nuôi trồng thủy sản thực tế được cấp chủ động 12,8ha/12,8 ha, đạt 100%. (Đạt)

		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	1 HTX DVNN có hoạt động tưới tiêu hiệu quả, bền vững (Đạt)	1 HTX DVNN có hoạt động tưới tiêu hiệu quả, bền vững (Đạt)
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	≥20%	Cây trồng chủ lực trên địa bàn xã Đông Thịnh là cây lúa, áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến SRI, 3 giảm 3 tăng, Nông - Lộ - Phoi đạt tỷ lệ 100%.	Cây trồng chủ lực trên địa bàn xã Đông Thịnh là cây lúa, áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến SRI, 3 giảm 3 tăng, Nông - Lộ - Phoi 357,5/357,5ha, đạt tỷ lệ 100%. (Đạt)
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	Có 19/19 công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng với chiều dài 7.330m/7.330 được bảo trì hàng năm (Đạt)	Có 19/19 công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng với chiều dài 7.330m/7.330 được bảo trì hàng năm (Đạt)
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	Có 7/7 thôn, dân cư phân bố tập trung thành một vùng. Nước thải sinh hoạt và sản xuất được xử lý và thải ra hệ thống theo mương gom về kênh tiêu trực chính của xã đảm bảo quy định (Đạt)	Có 7/7 thôn, dân cư phân bố tập trung thành một vùng. Nước thải sinh hoạt và sản xuất được xử lý và thải ra hệ thống theo mương gom về kênh tiêu trực chính của xã đảm bảo quy định (Đạt)
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Đảm bảo yêu cầu về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ (Đạt)	Đảm bảo yêu cầu về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ (Đạt)
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	>99%	- Tổng số hộ: 1.555 hộ; - Số hộ đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định: 1.555 hộ, đạt 100%	Hệ thống điện của xã gồm: Đường dây hạ áp 0,4kV và 06 TBA với tổng công suất 1.400 KVA phục vụ sản xuất, sinh hoạt và tưới tiêu Số hộ đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định: 1.555/1.555 hộ, đạt tỷ lệ 100%. (Đạt)
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	Tổng số trường đạt tiêu chuẩn về cơ sở vật chất mức độ 2: 02 Trường, trong đó: + Mầm non: 01 trường; + Tiểu học và THCS: 01 Trường Đạt 100%	Tổng số trường đạt tiêu chuẩn về cơ sở vật chất mức độ 2: 02 Trường, trong đó: + Mầm non: 01 trường; + Tiểu học và THCS: 01 Trường Đạt tỷ lệ 100%
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt chuẩn PCGDMN trẻ em 5 tuổi tại: QĐ số 8991/QĐ-UBND, ngày 10/11/2021; QĐ số 3940/QĐ-UBND, ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện công nhận đạt chuẩn PCGD-XMC	Đạt chuẩn PCGDMN trẻ em 5 tuổi tại: QĐ số 8991/QĐ-UBND, ngày 10/11/2021; QĐ số 3940/QĐ-UBND, ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện công nhận đạt chuẩn PCGD-

		năm 2022.	XMC năm 2022. (Đạt)
5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Năm 2021: Đã đạt chuẩn PCGDTH và PCTHCS mức độ 3 theo Quyết định số 8991/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2021 Năm 2022: Đã đạt chuẩn PCGDTH và PCTHCS mức độ 3 Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2022 (Đạt)	- Năm 2021: Đã đạt chuẩn PCGDTH và PCTHCS mức độ 3 theo Quyết định số 8991/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2021 - Năm 2022: Đã đạt chuẩn PCGDTH và PCTHCS mức độ 3 Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2022 (Đạt)
5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Đạt chuẩn xóa mù chữ Mức độ 2 theo Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn (Đạt)	Đạt chuẩn xóa mù chữ Mức độ 2 theo Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn (Đạt)
5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	TTHTCĐ của xã nhiều năm liên tục đạt loại Tốt, được huyện đánh giá tốt Theo các Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 và Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn (Đạt)	TTHTCĐ của xã nhiều năm liên tục đạt loại Tốt, được huyện đánh giá tốt Theo các Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 và Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn (Đạt)
5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	- Năm học 2022-2023, Chủ tịch UBND xã ban hành Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 19/8/2022 về việc thực nhiệm vụ giáo dục thể chất và hoạt động thể thao năm 2022. - Kế hoạch số 46/KH-TH&THCS ngày 25/9/2022 của Trường TH& THCS Đông Thịnh về Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao năm học 2022-2023, mô hình CLB võ thuật vovinam theo Quyết định số 50/QĐ-TH&THCS ngày 06/10/2022 về việc công nhận thành lập CLB võ thuật vovinam; trường TH & THCS Đông Thịnh, kèm theo Quy chế, Điều lệ hoạt động, danh sách ban chủ nhiệm và các thành viên. - Kế hoạch số 11/KH-MN ngày 10/9/2022 của Trường Mầm non Đông Thịnh về giao dục phát triển thể chất năm học 2022-2023; mô hình CLB	- Năm học 2022-2023, Chủ tịch UBND xã ban hành Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 19/8/2022 về việc thực nhiệm vụ giáo dục thể chất và hoạt động thể thao năm 2022. - Kế hoạch số 46/KH-TH&THCS ngày 25/9/2022 của Trường TH& THCS Đông Thịnh về Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao năm học 2022-2023, mô hình CLB võ thuật vovinam theo Quyết định số 50/QĐ-TH&THCS ngày 06/10/2022 về việc công nhận thành lập CLB võ thuật vovinam; trường TH & THCS Đông Thịnh, kèm theo Quy chế, Điều lệ hoạt động, danh sách ban chủ nhiệm và các thành viên. - Kế hoạch số 11/KH-MN ngày 10/9/2022 của Trường Mầm non Đông Thịnh về giao dục phát triển thể chất năm học 2022-2023; mô hình CLB Aerobic theo Quyết định số 28/QĐ-MN,

				Aerobic theo Quyết định số 28/QĐ-MN, ngày 22/9/2022 về việc thành lập CLB Aerobic trường Mâm non Đông Thịnh, kèm theo quy chế, Điều lệ hoạt động, danh sách ban chủ nhiệm và các thành viên. (Đạt)	ngày 22/9/2022 về việc thành lập CLB Aerobic trường Mâm non Đông Thịnh, kèm theo quy chế, Điều lệ hoạt động, danh sách ban chủ nhiệm và các thành viên. (Đạt)	
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 70% các điểm công cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời.</li> <li>- Có các mô hình hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thôn và tổ chức đa dạng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao đảm bảo thu hút tối thiểu 40% người dân tham gia thường xuyên.</li> <li>- Triển khai thực hiện các hoạt động thư viện.</li> </ul>	<p>(Đạt)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số điểm công cộng: 07 Điểm;</li> <li>- Số điểm công cộng có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời: 07 Điểm;</li> <li>- Một số loại hình hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao: toàn xã có 9 CLB trong đó có 6 CLB VHVH-TDĐT; 01 văn nghệ; 1 CLB; 02 CLB liên thể hệ. Số gia đình thể thao là 758/1.555 hộ, chiếm 49% số hộ. Số người thường xuyên tham gia luyện tập TDĐT là 3264/5097 chiếm 64% dân số.</li> <li>- Hoạt động thư viện, xã có phòng đọc trên 500 đầu sách báo; 04 máy tính kết nối Internet phục vụ người dân tra cứu, học tập</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số điểm công cộng: 07 Điểm;</li> <li>- Số điểm công cộng có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời: 07 Điểm;</li> <li>- Một số loại hình hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao: toàn xã có 9 CLB trong đó có 6 CLB VHVH-TDĐT; 01 văn nghệ; 1 CLB; 02 CLB liên thể hệ. Số gia đình thể thao là 758/1.555 hộ, chiếm 49% số hộ. Số người thường xuyên tham gia luyện tập TDĐT là 3264/5097 chiếm 64% dân số</li> <li>- Hoạt động thư viện, xã có phòng đọc trên 500 đầu sách báo; 04 máy tính kết nối Internet phục vụ người dân tra cứu, học tập</li> </ul> <p>(Đạt)</p>	
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	Tổng số di sản văn hoá: Không có;	Xã không có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh; không có di sản văn hóa phi vật thể.	(Đạt)
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	<ul style="list-style-type: none"> <li>≥75% đạt tiêu chuẩn văn hóa trong 3 năm liên tục (≥78% trong năm xét, công nhận hoặc năm liên kế).</li> <li>≥50% đạt chuẩn nông thôn mới.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số thôn: 7 thôn</li> <li>- Số thôn đạt tiêu chuẩn văn hoá: 7 thôn, đạt 100%.</li> <li>- Số thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới: 07/7 thôn.</li> <li>- Có 1428/1555 gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa 3 năm liên tục đạt 91,8% và có 214 hộ được tặng giấy khen gia đình văn hóa 3 năm liên tục đạt tỷ lệ 15%. (Đạt)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số thôn: 7 thôn</li> <li>- Số thôn đạt tiêu chuẩn văn hoá: 7 thôn, đạt 100%.</li> <li>- Số thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới: 07/7 thôn.</li> <li>- Có 1428/1555 gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa 3 năm liên tục đạt 91,8% và có 214 hộ được tặng giấy khen gia đình văn hóa 3 năm liên tục đạt tỷ lệ 15%. (Đạt)</li> </ul>	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt (Nếu xã không có chợ đang hoạt động thì có cửa hàng, siêu thị, cửa hàng tiện lợi đạt an toàn	(Đạt)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số chợ theo quy hoạch: 01 chợ</li> <li>- Số chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm: 01 Chợ;</li> <li>- Số mô hình chợ thí điểm đảm bảo an toàn thực phẩm. 01 chợ</li> </ul>	



			thực phẩm theo quy định)	phẩm. 01 chợ	(Đạt)
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	- Số điểm phục vụ bưu chính: 01 Điểm; - Số điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân: 01 Điểm. (Đạt)	Điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân: 01 Điểm, đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. (Đạt)
		8.2. Có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tối thiểu 50% đối với xã đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; tối thiểu 80% đối với các xã còn lại.	80%.	(Đạt) Tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh trên tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã là 2766 người/2965 = 93,3%	(Đạt) Dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh trên tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã là 2766/2965, đạt tỷ lệ 93,3% (Đạt)
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	(Đạt) 100% thôn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên; 100% số thôn trong xã có hộ gia đình xem được 01 trong các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet; Xã có 01 điểm cung cấp xuất bản phẩm cung cấp xuất bản phẩm cung cấp các loại sách giáo khoa, báo, các ấn phẩm, tạp chí phục vụ nhu cầu của học sinh và người dân trong thôn	(Đạt) 7/7 thôn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên; 100% số thôn trong xã có hộ gia đình xem được 01 trong các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet và có 01 điểm cung cấp xuất bản phẩm cung cấp xuất bản phẩm cung cấp các loại sách giáo khoa, báo, các ấn phẩm, tạp chí phục vụ nhu cầu của học sinh và người dân trong thôn (Đạt)
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	Đạt	(Đạt) - Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt 100%. - Cán bộ công chức được trang bị máy tính phục vụ trong công việc đạt 100%; 17/17 cán bộ, công chức của xã (đạt 100%) đã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin - Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt 2437/2965 người, đạt tỷ lệ 82,2%. - 100% sản phẩm OCOP (1/1) của xã được giới thiệu quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử Postamart.	(Đạt) - Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt 100%. - Cán bộ công chức được trang bị máy tính phục vụ trong công việc đạt 100%; 17/17 cán bộ, công chức của xã (đạt 100%) đã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin - Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt 2437/2965 người, đạt tỷ lệ 82,2%. - 100% sản phẩm OCOP (1/1) của xã được giới thiệu quảng bá trên nền tảng sàn thương mại

					điện tử Postamart. (Đạt)
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt	(Đạt) Tại trụ Sở UBND xã và Hội trường UBND xã đã được lắp đặt wifi phục vụ nhu cầu sử dụng của cán bộ, công chức xã và người dân đến làm việc tại xã; 100% cá điểm du lịch cộng đồng trên địa bàn xã cũng được lắp wifi phục vụ người dân, du khách thập phương đến tham quan	Trụ Sở UBND và Hội trường UBND xã được lắp đặt các wifi phục vụ nhu cầu sử dụng của cán bộ, công chức và người dân đến làm việc tại xã, 7/7 thôn, trạm y tế, bưu điện, công an, các trường học trên địa bàn xã cũng đã được lắp đặt wifi miễn phí phục vụ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, dễ dàng truy cập internet, sử dụng các dịch vụ số. (Đạt)
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 90\%$	(Đạt) - Toàn xã có 1,555 hộ và tổng số nhà: 1,555 nhà; + Số hộ có nhà ở bán kiên cố, nhà ở dân cư chưa đạt chuẩn: 19 hộ, chiếm tỷ lệ 1,23%; + Số hộ có nhà ở kiên cố (nhà ở nông thôn đạt chuẩn): 1.536/1.555 hộ đạt 98,77% hộ	Toàn xã có 1,555 hộ và tổng số nhà: 1,555 nhà; - Số hộ có nhà ở bán kiên cố, nhà ở dân cư chưa đạt chuẩn: 19 hộ, chiếm tỷ lệ 1,22%; + Số hộ có nhà ở kiên cố (nhà ở nông thôn đạt chuẩn): 1.536/1.555 hộ đạt 98,78% hộ (Đạt)
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2022	$\geq 54$	Tháng 12 năm 2022, đạt 63 (triệu đồng/người)
			Năm 2023	$\geq 58$	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	$\leq 4\%$	(Đạt) Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (%) = 0% Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều (%) = 0,64%	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (%) = 0% Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều (%) = 0,64% Tỷ lệ nghèo đa chiều (trừ HN, hộ CN không có khả năng lao động) = 0+0,64 = 0,64% (Đạt)
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 80\%$	(Đạt) Tỷ lệ lao động qua đào tạo của xã = 82,09%	Lao động qua đào tạo của xã 2.434/2.965, đạt tỷ lệ 82,09%. (Đạt)
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 30\%$	(Đạt) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt 35, 68%.	Lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ 1.058/2.965, đạt tỷ lệ 35, 68%. (Đạt)

		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	Nông, lâm, ngư nghiệp <30% hoặc Công nghiệp - Xây dựng >40% hoặc Dịch vụ >30%	- Ngành kinh tế chủ lực của xã Đông Thịnh là ngành Công nghiệp - Xây dựng (Văn bản số 2178/UBND-LĐT BXH ngày 27/10/2022 của UBND huyện Đông Sơn). Tỷ lệ lao động làm việc trong ngành Công nghiệp - Xây dựng của xã là 58,15%.	Lao động làm việc trong ngành kinh tế chủ lực là Công nghiệp - Xây dựng của xã là 1724/2965 đạt tỷ lệ 58,15%. (Đạt)
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	≥1	01 HTX DV Nông nghiệp hoạt động có hiệu quả và có HĐ liên kết theo chuỗi giá trị ổn định trong 3 năm liên tục từ năm 2020 đến năm 2022 (Đạt)	01 HTX DV Nông nghiệp hoạt động có hiệu quả và có HĐ liên kết theo chuỗi giá trị ổn định trong 3 năm liên tục từ năm 2020 đến năm 2022 (Đạt)
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	Đạt	Tổng số sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn: 01 sản phẩm;	Sản phẩm dưa vàng T-Farm đã được UBND huyện đánh giá, phân hạng và công nhận sản phẩm OCOP đạt 3 sao tại Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 15/5/2023. (Đạt)
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥1	01 Mô hình cơ giới hóa đồng bộ các khâu trong sản xuất lúa với diện tích 180 ha, được áp dụng trên địa bàn của 7 thôn. Tất cả các khâu làm đất, gieo trồng, tưới tiêu, chăm sóc, thu hoạch đều bằng cơ giới hóa	01 Mô hình cơ giới hóa đồng bộ các khâu trong sản xuất lúa với diện tích 180 ha, được áp dụng trên địa bàn của 7 thôn. Tất cả các khâu làm đất, gieo trồng, tưới tiêu, chăm sóc, thu hoạch đều bằng cơ giới hóa (Đạt)
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	≥1 sản phẩm	1 sản phẩm (Đạt)	1 sản phẩm (Đạt)
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	≥10%	Sản phẩm của xã Đông Thịnh được ký kết với các đơn vị Sao Khuê, diện tích 120ha chiếm 31,95% trên toàn xã có trên sàn giao dịch điện tử. (Đạt)	Sản phẩm của xã Đông Thịnh được ký kết với các đơn vị Sao Khuê, diện tích 120ha chiếm 31,95% trên toàn xã có trên sàn giao dịch điện tử (Đạt)
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Đạt (nếu có)	Trên địa bàn xã có diện tích trồng lúa tại vùng sản xuất lúa tập trung với diện tích 4,65 ha; 30 hộ tham gia. Tiêu chuẩn áp dụng: Đủ điều kiện ATTP (Đạt)	Xã có diện tích trồng lúa tại vùng sản xuất lúa tập trung với diện tích 4,65 ha; 30 hộ tham gia. Tiêu chuẩn áp dụng: Đủ điều kiện ATTP (Đạt)

		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Xã thường xuyên tuyên truyền và quảng bá di sản văn hóa chung cả huyện và các hình ảnh hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của xã trên trang fanpage của xã tại địa chỉ UBND xã Đông Thịnh. Địa chỉ đường link: <a href="https://WWW.facebook.com/UBND-x%C3%A3%C4%94NG-THỊNH-103197459228639">https://WWW.facebook.com/UBND-x%C3%A3%C4%94NG-THỊNH-103197459228639</a> . (Đạt)	Xã thường xuyên tuyên truyền và quảng bá di sản văn hóa chung cả huyện và các hình ảnh hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của xã trên trang fanpage của xã tại địa chỉ UBND xã Đông Thịnh. Địa chỉ đường link: <a href="https://WWW.facebook.com/UBND-x%C3%A3%C4%94NG-THỊNH-103197459228639">https://WWW.facebook.com/UBND-x%C3%A3%C4%94NG-THỊNH-103197459228639</a> . (Đạt)
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	≥1 mô hình	1 mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị đảm bảo 02/04 tiêu chí theo yêu cầu: - Tên mô hình Dưa vàng T- FARM; Thôn Đà Ninh, xã Đông Thịnh. Quy mô: Diện tích 27.000 m <sup>2</sup> . Số lượng 91tấn/năm. - Các tiêu chí đạt được: Tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô hình; Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập. (Đạt)	1 mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị đảm bảo 02/04 tiêu chí theo yêu cầu: - Tên mô hình Dưa vàng T- FARM; Thôn Đà Ninh, xã Đông Thịnh. Quy mô: Diện tích 27.000 m <sup>2</sup> . Số lượng 91tấn/năm. - Các tiêu chí đạt được: Tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô hình; Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập. (Đạt)
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥95%	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT 4.730/(5099-325), đạt 99,08%. (Đạt)	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT 4.730/(5099-325), đạt 99,08%. (Đạt)
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥90%	Có 5097 người dân đã được tạo dựng hồ sơ sức khỏe điện tử và quản lý, theo dõi trên phần mềm, đạt 4998/5.097 người, đạt 98% (Đạt)	Có 5097 người dân đã được tạo dựng hồ sơ sức khỏe điện tử và quản lý, theo dõi trên phần mềm, đạt 4998/5.097 người, đạt 98% (Đạt)
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥40%	Có 2824 người dân đã cài đặt và sử dụng ứng dụng này đạt tỷ lệ 55,4% dân số (Đạt)	Có 2824 người dân đã cài đặt và sử dụng ứng dụng này đạt tỷ lệ 55,4% dân số. (Đạt)
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	≥70%	Có 4998 người dân đã được tạo dựng hồ sơ sức khỏe điện tử và theo dõi trên phần mềm quản lý, đạt 98% người dân (Đạt)	Có 2824 người dân đã cài đặt và sử dụng ứng dụng này đạt tỷ lệ 55,4% dân số (Đạt)

15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã được trang bị hệ thống camera theo, 01 bàn làm việc khép kín với 05 quầy giao dịch, 05 máy tính kết nối mạng, 05 máy in, 01 máy photocopy, 01 máy Scan; 05 tủ đựng hồ sơ cho công chức chuyên môn đựng tài liệu; cán bộ công chức đã được cấp và sử dụng chứng thư số; 04 quạt mát, hệ thống các bảng biểu và các trang thiết bị cần thiết khác đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan. (Đạt)	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã Đông Thịnh có diện tích 63m <sup>2</sup> , được bố trí 02 dãy ghế ngồi chờ cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch. Cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ, đảm bảo theo quy định; 100% cán bộ, công chức cấp chứng thư để thực hiện ký số văn bản điện tử trên phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc. - 100% hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của xã đều thực hiện trên phần mềm một cửa và đi vào hoạt động ổn định. (Đạt)
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Đảm chỉ tiêu được giao theo từng năm: năm 2021 dịch vụ công trực tuyến của xã Đông Thịnh ở mức độ 3 đạt 100%, ở mức độ 4 đạt 100%; Năm 2022 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đạt 100%; mức độ 4 đạt 100%. (Đạt)	Có dịch vụ công trực tuyến đảm bảo đạt mức độ 3, 4; tỷ lệ hồ sơ luôn đạt chỉ tiêu tinh giao; 100% các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của xã được đảm bảo chỉ tiêu huyện giao (Đạt)
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 100% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 100% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định (Đạt)	Xã thực hiện tốt công tác công khai, minh bạch TTHC thông qua hình thức niêm yết công khai bằng bảng giấy tại trụ sở cơ quan 247/247 TTHC thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; niêm yết danh mục 11 TTHC dịch vụ công mức độ 3; 27 TTHC mức độ 4 tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả trên Trang thông tin điện tử của xã. 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý, trả kết quả trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC; đã thực hiện scan số hoá hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả theo quy định. Trong 3 năm (2019-2022) 100% hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền được tiếp nhận, xử lý, trả kết quả đúng hạn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC. (Đạt).
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥1	2 mô hình: Mô hình “ Làng quê an toàn cho phụ nữ và trẻ em”; mô hình “Tổ hòa giải cơ sở kiểu mẫu” tại thôn Đại Từ 3.	Xã có 2 mô hình: Mô hình “Làng quê an toàn cho phụ nữ và trẻ em”; mô hình “Tổ hòa giải cơ sở kiểu mẫu” tại thôn Đại Từ 3 (Đạt)

		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90\%$	Không có vụ việc	Không có vụ việc (Đạt)
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90\%$	Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt 100% ( 0 người/0 người)	Không có người yêu cầu (Đạt)
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Trên địa bàn xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản.	Toàn xã có 99 hộ gia đình kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường, có giấy xác nhận cam kết sản xuất không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, đảm bảo tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý nước thải, chất thải được thu gom tập trung. Đạt 99/99 (100%) hộ chăn nuôi có hệ thống xử lý chất thải, bể bioga, đệm lót sinh học. (Đạt)
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	Xã có 128 cơ sở sản xuất kinh, nuôi trồng thủy sản; Làng nghề xã không có. Đạt 100%, trong đó có 1 cơ sở sản xuất (Trang trại T- FARM) đã lập hồ sơ môi trường theo quy định. (Đạt)	Xã có 128 cơ sở sản xuất kinh, nuôi trồng thủy sản (Làng nghề không có), đạt 100%, trong đó có 1 cơ sở sản xuất (Trang trại T- FARM) đã lập hồ sơ môi trường theo quy định; 127 cơ sở còn lại đã ký cam kết bảo vệ môi trường theo quy định. (Đạt).
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 85\%$	Tổng số hộ gia đình trên địa bàn xã: 1.555 hộ. - 100 % hộ gia đình trong xã hợp đồng với HTX môi trường Tân Sơn để thu gom vận chuyển về bãi chôn lấp rác thải tập trung của huyện tại xã Đông Nam để xử lý theo quy định với tần suất 02 ngày/lần. (Đạt)	Tổng số hộ gia đình trên địa bàn xã 1.555/15555 hộ được thu gom, đạt 100 %. Hiện tại xã ký hợp đồng với HTX môi trường Tân Sơn để thu gom (Đạt)
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	$\geq 40\%$	Số hộ thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả: 1028/ hộ/1555 hộ đạt 66,1% (Đạt)	Các hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả: 1028/ hộ/1555 hộ đạt 66,1% (Đạt)
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 50\%$	Số hộ phân loại CTR tại nguồn là 1.028 hộ/1555 hộ đạt 66,1% (Đạt)	Số hộ gia đình thực hiện thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn có 1028/ hộ/1555 hộ đạt 66,1% (Đạt)

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	Toàn xã có 28 bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường. Tại mỗi xứ đồng của từng thôn có đặt các bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật. Đối với CTR nguy hại phát sinh tại các hộ dân như (pin, nhiệt kế, bóng đèn huỳnh quang thải...), được thu gom vào thùng riêng biệt đặt tại các khu vực công cộng (trạm y tế, trụ sở UBND xã). Đạt 100%	Xã có 28 bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường. Mỗi xứ đồng của từng thôn có đặt các bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, hàng tháng tổ thu gom rác thu gom để vận chuyển về bãi rác tập trung của tỉnh. UBND huyện Đông Sơn đã ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại với HTX dịch vụ môi trường Tân Sơn. Chịu trách nhiệm thu gom vận chuyển toàn bộ khối lượng chất thải rắn nguy hại trên địa bàn xã Đông Thịnh. (Đạt).
17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	Khối lượng chất thải trên địa bàn xã được thu gom, xử lý, tái sử dụng là 4586/5292, đạt 86,6% tấn. Tỷ lệ hộ gia đình, trang trại trên địa bàn xã Đông Phú áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp là 991/991 hộ, đạt 100,0%. (Đạt)	Khối lượng chất thải trên địa bàn xã được thu gom, xử lý, tái sử dụng là 4586/5292, đạt 86,6% tấn. Tỷ lệ hộ gia đình, trang trại trên địa bàn xã Đông Phú áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp là 991/991 hộ, đạt 100,0%. (Đạt)
17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥85%	- Tổng số cơ sở chăn nuôi: 99 Cơ sở; - Số cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: 95/99 cơ sở, đạt tỷ lệ 96% (Đạt)	- Tổng số cơ sở chăn nuôi: 99 Cơ sở; - Số cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: 95/99 cơ sở, đạt tỷ lệ 96% (Đạt)
17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Đạt Số lượng nghĩa trang được quy hoạch trên địa bàn xã là 01 nghĩa trang	Toàn xã có 10 nghĩa trang/thôn được quy hoạch đáp ứng các quy định của pháp luật đã ban hành quy chế sử dụng nghĩa trang tại Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 12/5/2022; Thành lập Ban quản trang tổ chức thực hiện theo quy chế (Đạt)
17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥5%	Theo thống kê mai táng của xã Đông Thịnh, huyện Đông Sơn từ năm 2018 đến nay (thời điểm xã đăng ký xây dựng NTM nâng cao), tỷ lệ hỏa táng của xã đạt bình quân hàng năm là 64,48% (Đạt)	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng qua các năm: Năm 2018, tỷ lệ đạt 22/33 = 66,67%; Năm 2019, đạt tỷ lệ 15/22 = 68,1 %; năm 2020, đạt tỷ lệ 21/43 = 48,83 %; năm 2021, đạt tỷ lệ 32/34 = 94,11%; năm 2022, đạt tỷ lệ 21/46 = 45,6% và tính đến ngày 16/3/2023, đạt tỷ lệ 7/11 = 63,6 %. Đạt

		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4\text{m}^2$ /người	Thời điểm 12/2022 trên địa bàn toàn xã Đông Thịnh có dân số 5097 người. Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn là 21.662 m <sup>2</sup> . - Tỷ lệ đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã Đông Thịnh là 21662 m <sup>2</sup> /4.446 người, đạt 4,25 m <sup>2</sup> /người. (Đạt)	Thời điểm 12/2022 trên địa bàn toàn xã Đông Thịnh có dân số 5097 người. Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn là 21.662 m <sup>2</sup> . - Tỷ lệ đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã Đông Thịnh là 21662 m <sup>2</sup> /4.446 người, đạt 4,25 m <sup>2</sup> /người. (Đạt)
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$	Tổng lượng rác thải nhựa được thu gom, bán cho cơ sở thu gom, tái chế phế liệu khoảng 2.262/3011 tấn /năm, đạt 75,12%. (Đạt)	Khối lượng chất thải nhựa phát sinh (kg/năm) của các hộ gia đình là 3.011kg, Khối lượng chất thải nhựa phát được thu gom tái chế sử dụng: 2.262kg, tỷ lệ đã được thu gom 2.262/3.011 đạt tỷ lệ 75,12%. (Đạt).
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 55\%$	- Tổng số hộ: 1555 Hộ. - Số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung 1555, đạt tỷ lệ: 100%;	- Tổng số hộ: 1555 Hộ. - Số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung 1555, đạt tỷ lệ: 100%;
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	$\geq 60$ lít	- Lượng nước cấp sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: 73,9 lít/người/ngày đêm (Đạt)	- Lượng nước cấp sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: 73,9 lít/người/ngày đêm (Đạt)
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 30\%$	Xã Đông Thịnh được cung cấp nước sạch từ Nhà máy cấp nước sạch tập trung do Công ty CP nước sạch Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa – chi nhánh Đông Sơn quản lý. Kết quả chấm điểm mức độ hoạt động bền vững của công trình theo biểu đánh giá của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 3639/SNN&PTNT-PTNT ngày 06/9/2022: Đạt 95/100 điểm (Đạt)	Xã Đông Thịnh được cung cấp nước sạch từ Nhà máy cấp nước sạch tập trung do Công ty CP nước sạch Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa – chi nhánh Đông Sơn quản lý. Kết quả chấm điểm mức độ hoạt động bền vững của công trình theo biểu đánh giá của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 3639/SNN&PTNT-PTNT ngày 06/9/2022: Đạt 95/100 điểm (Đạt)
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	Toàn xã có 93 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, trong đó: cấp xã 75 cơ sở, cấp huyện 17 cơ sở, cấp tỉnh 01 cơ sở (Bếp ăn tập thể trường Mầm non); ngành Nông nghiệp 53 cơ sở, ngành Y tế 18 cơ sở, ngành Công thương 12 cơ sở. Hàng năm UBND xã, phối hợp với Văn phòng Điều phối về Vệ sinh ATTP huyện xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn kiến thực về an toàn thực phẩm cho 93/93 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống đạt	Toàn xã có 93 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, trong đó: cấp xã 75 cơ sở, cấp huyện 17 cơ sở, cấp tỉnh 01 cơ sở (Bếp ăn tập thể trường Mầm non); ngành Nông nghiệp 53 cơ sở, ngành Y tế 18 cơ sở, ngành Công thương 12 cơ sở. Hàng năm UBND xã, phối hợp với Văn phòng Điều phối về Vệ sinh ATTP huyện xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn kiến thực về an toàn thực phẩm cho 93/93 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn



			100%. (Đạt)	Đúng đạt 100%. (Đạt)
	18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Không xảy ra các sự cố về an toàn thực phẩm cũng như các vụ ngộ độc thực phẩm nhiều người mắc (Đạt)	Trên địa bàn xã Đông Thịnh chưa từng xảy ra sự cố ngộ độc về an toàn thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm hoặc các tình huống khác phát sinh từ thực phẩm gây hại trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng con người. (Đạt)
	18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%	- Tổng số cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản: 02 Cơ sở. - Số cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: 02 Cơ sở, đạt 100% (Đạt)	- Tổng số cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản: 02 Cơ sở. - Số cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: 02 Cơ sở, đạt 100%. (Đạt)
	18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	≥95%	Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch trên địa bàn xã Đông Thịnh đạt 100%	- Năm 2022: Nhà tiêu HVS Đạt 1535/1555 đạt 98,71%; Nhà tắm: 100%; nguồn nước 100% - Năm 2023: Nhà tiêu HVS Đạt 1549/1555 đạt 99,6%; Nhà tắm: 100%; nguồn nước 100% (Đạt)
	18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	Trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp CTR sinh hoạt. Rác thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân trên địa bàn xã được hợp đồng với Hợp tác xã dịch vụ môi trường Tân Sơn thu gom, vận chuyển về bãi chôn lấp rác thải tập trung của huyện tại xã Đông Nam để xử lý theo quy định với tần suất 03 lần/tuần. (Đạt)	Xã Đông Thịnh không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt. Ký hợp đồng thu gom rác thải với HTX dịch vụ Môi trường Tân Sơn thu gom, vận chuyển về nơi chôn lấp, xử lý tập trung tại xã Đông Nam, đạt tỷ lệ 100%. (Đạt)
	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	Ban CHQS xã và lực lượng dân quân đảm bảo biên chế đầy đủ về số lượng, chất lượng, đảm bảo chính sách và cơ sở vật chất theo quy định; BCHQS đã xây dựng KH trực sẵn sàng chiến đấu, thực hiện tốt tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ (Đạt)	Ban CHQS xã và lực lượng dân quân đảm bảo biên chế đầy đủ về số lượng, chất lượng, đảm bảo chính sách và cơ sở vật chất theo quy định; BCHQS đã xây dựng KH trực sẵn sàng chiến đấu, thực hiện tốt tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ. (Đạt)

19	Quốc phòng và An Thịnh	<p>19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an Thịnh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an Thịnh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả</p>	Đạt	<p>- Số mô hình camera an ninh: 01 Mô hình, đã lắp 44 mắt;  - Số mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy): 03 Mô hình.  - Một số mô hình tiêu biểu: Mô hình Hội Cựu chiến binh xã phối hợp với lực lượng Công an xã xây dựng mô hình 3/1 “Giáo dục, cảm hoá những người lầm lỗi tái hoà nhập cộng đồng”; Mô hình “Công trường tự quản đảm bảo ANTT và ATGT” do Đoàn thanh niên xã phối hợp với Công an xã xây dựng và thành lập, Mô hình Camera an ninh</p> <p>(Đạt)</p>	<p>Xã Đông Thịnh không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên.  - Mô hình camera an ninh: 01 Mô hình, đã lắp 44 mắt;  - Mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy): 03 Mô hình.  - Một số mô hình tiêu biểu: Mô hình Hội Cựu chiến binh xã phối hợp với lực lượng Công an xã xây dựng mô hình 3/1 “Giáo dục, cảm hoá những người lầm lỗi tái hoà nhập cộng đồng”; Mô hình “Công trường tự quản đảm bảo ANTT và ATGT” do Đoàn thanh niên xã phối hợp với Công an xã xây dựng và thành lập, Mô hình Camera an ninh. (Đạt)</p>
----	------------------------	--	-----	--	---